ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /2023/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3451/TTr-STC ngày 20 tháng 11 năm 2023; ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này được áp dụng để xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản, đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng; xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản); xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất nhóm đất phi nông nghiệp

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị (Chi tiết kèm theo Phụ lục 1).

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn (Chi tiết kèm theo Phụ lục 2).

3. Hệ số điều chỉnh giá đất thương mại, dịch vụ: 1,0.

4. Hệ số điều chỉnh giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: 1,0.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất nhóm đất nông nghiệp

1. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm:

a) Hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa nước 2 vụ (Chi tiết kèm theo Phụ lục 3);

b) Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm trừ đất trồng lúa nước 2 vụ (Chi tiết kèm theo Phụ lục 4).

2. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm (Chi tiết kèm theo Phụ lục 5).

3. Hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất (Chi tiết kèm theo Phụ lục 6).

4. Hệ số điều chỉnh giá đất nuôi trồng thủy sản (Chi tiết kèm theo Phụ lục 7).

5. Hệ số điều chỉnh giá đất làm muối (Chi tiết kèm theo Phụ lục 8).

Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất các đảo

Hệ số điều chỉnh giá đất các đảo (Chi tiết kèm theo Phụ lục 9).

Điều 5. Hệ số điều chỉnh giá đất các loại đất Chính phủ không quy định khung giá đất

Đối với các loại đất mà Chính phủ không quy định khung giá đất thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2023.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phú Yên; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 7;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh uỷ;
- TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Truyền thông thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, To, Th$_{TM}$.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tạ Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	**Thành phố Tuy Hòa**				
A	**Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9** ***(Đô thị loại II)***				
1	**Đại Lộ Hùng Vương**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến Trần Hưng Đạo	1,0			
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến Nguyễn Hữu Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến Lê Đài	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Đại Lộ Nguyễn Tất Thành**				
-	Đoạn từ bắc cầu Sông Chùa đến Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới phường 8 và phường 9	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh giới phường 8 và phường 9 đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường phía Tây từ đường Trần Phú đến hết Cửa hàng bia đối chứng 2 của Nhà máy bia Sài Gòn	1,0			
3	**Đường An Dương Vương**				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,0			
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường quy hoạch phía Tây rộng 16m	1,0			
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Độc Lập	1,0			
4	**Đường Bà Huyện Thanh Quan** *(Đường số 11 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường Bà Triệu**				
-	Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Đường Bạch Đằng**				
-	Đoạn từ Cảng cá phường 6 đến đường Lê Duẩn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Phan Đình Phùng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7	**Đường Cần Vương:** Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến Nguyễn Thái Học	1,0			
8	**Đường Cao Thắng**	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Chi Lăng:** Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,0			
10	**Đường Chí Linh:** Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,0			
11	**Đường Chu Mạnh Trinh**	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Chu Văn An**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ 6m	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường nội bộ 6m đến giáp sân vận động	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Đào Tấn** *(Đường quy hoạch số 1 thuộc Khu dân cư phía đông: Đoạn từ đường Mai Xuân Thưởng đến đường Trần Phú cũ)*	1,0			
14	**Đường Điện Biên Phủ**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến Đại lộ Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Trãi *(Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường NB4 cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
15	**Đường Độc Lập**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường Đồng Khởi**	1,0	1,0	1,0	1,0
17	**Đường Duy Tân**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Điện Biên Phủ *(Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ cũ và đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ cũ - Gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
18	**Đường Hà Huy Tập**	1,0			
19	**Đường Hai Bà Trưng**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ Khu dân cư Rạch Bầu Hạ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,0			
20	**Đường Hàm Nghi:** Đoạn từ đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ đến đường Lê Trung Kiên	1,0	1,0	1,0	1,0
21	**Đường Hồ Xuân Hương**	1,0	1,0	1,0	1,0
22	**Đường Hoàng Diệu**	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
23	**Đường Hoàng Văn Thụ:** Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Ngô Văn Sở *(Đoạn từ đường Hùng Vương đến Tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
24	**Đường Huyền Trân Công Chúa**	1,0	1,0	1,0	1,0
25	**Đường Huỳnh Thúc Kháng**	1,0	1,0	1,0	1,0
26	**Đường Lê Đài.** Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,0			
27	**Đường Lê Duẩn**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến Nguyễn Hữu Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
28	**Đường Lê Hồng Phong**				
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0
29	**Đường Lê Lai**	1,0			
30	**Đường Lê Lợi**				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Duy Tân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Duy Tân - đường Phan Đình Phùng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
31	**Đường Lê Quý Đôn**	1,0	1,0	1,0	1,0
32	**Đường Lê Thành Phương**				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
33	**Đường Lê Thánh Tôn**	1,0	1,0	1,0	1,0
34	**Đường Lê Trung Kiên**				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Tản Đà	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Tản Đà đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
35	**Đường Lương Tấn Thịnh** (toàn tuyến)	1,0	1,0	1,0	1,0
36	**Đường Lương Thế Vinh** (toàn tuyến)	1,0			
37	**Đường Lương Văn Chánh**				
-	Đoạn từ phía Nam Trung tâm vòng tay ấm Thành phố đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,1			
38	**Đường Lưu Văn Liêu:** Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
39	**Đường Lý Thái Tổ**	1,0	1,0	1,0	1,0
40	**Đường Lý Thường Kiệt**				
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đoạn đã đầu tư hạ tầng *(Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đã đầu tư hạ tầng đến giáp rạch Bầu Hạ *(Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Duy Tân đến hết đoạn đã đầu tư hạ tầng *(Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
41	**Đường Lý Tự Trọng**	1,0	1,0	1,0	1,0
42	**Đường Mai Xuân Thưởng**	1,0	1,0	1,0	1,0
43	**Đường Mậu Thân**				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ *(Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Cầu Chùa Hồ Sơn cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến ngã năm đường đi phường 8, Ninh Tịnh *(Đoạn từ Cầu Chùa Hồ Sơn đến ngã năm đường đi phường 8, Ninh Tịnh cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã năm đường đi phường 8, Ninh Tịnh đến giáp xã Bình Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
44	**Đường N2** (từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn)	1,0			
45	**Đường N3** (từ đường Độc Lập đến đại lộ Hùng Vương)	1,0			
46	**Đường NB 2 rộng 6m:** (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ)	1,0			
47	**Đường NB 4 rộng 6m:** (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ)	1,0			
48	**Đường NB 5 rộng 6m: (**Đoạn từ đường Lương Văn Chánh đến đường Duy Tân)	1,0			
49	**Đường Ngô Quyền**				
-	Đoạn từ phía Nam nhà số 01 Ngô Quyền đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
50	**Đường Ngô Văn Sở** *(Tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
51	**Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**	1,0	1,0	1,0	1,0
52	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	1,0	1,0	1,0	1,0
53	**Đường Nguyễn Công Trứ**				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Trần Hưng Đạo (đối diện Bệnh Viện sản nhi) *(Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đại lộ Hùng Vương cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đại lộ Hùng Vương *(Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Trãi cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ngã 5 đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Trãi *(Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trần Hưng Đạo cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
54	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	1,0	1,0	1,0	1,0
55	**Đường Nguyễn Du**	1,0	1,0	1,0	1,0
56	**Đường Nguyễn Đức Cảnh:** Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường quy hoạch 16m phía Tây Khu dân cư Bộ đội biên phòng	1,0	1,0	1,0	1,0
57	**Đường Nguyễn Hào Sự:** Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường An Dương Vương *(Đoạn từ số nhà G-L13-30 đến đường An Dương Vương cũ và đoạn từ số nhà G-L13-30 đến đường Nguyễn Hữu Thọ cũ - Gộp đoạn)*	1,0			
58	**Đường Nguyễn Hoa:** Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,0			
59	**Đường Nguyễn Huệ**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến Lê Trung Kiên	1,0	1,0	1,0	1,0
60	**Đường Nguyễn Hữu Thọ**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến tuyến đường bao phía tây Bệnh viện	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tuyến đường bao phía Tây Bệnh viện đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
61	**Đường Nguyễn Mỹ:** Đoạn từ đường Chi Linh đến đường Chi Lăng	1,0			
62	**Đường Nguyễn Thái Học**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
63	**Đường Nguyễn Thế Bảo:** Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Tố Hữu	1,0			
64	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0
65	**Đường Nguyễn Trãi**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ *(Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi cũ và đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Huệ cũ - Gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,1			
-	Đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,0			
66	**Đường Nguyễn Trung Trực**				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
67	**Đường Nguyễn Trường Tộ**	1,0	1,0	1,0	1,0
68	**Đường Nguyễn Văn Cừ** (toàn tuyến)	1,0	1,0	1,0	1,0
69	**Đường Nguyễn Văn Huyên**				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Thọ *(Đoạn từ đường Trần Phú đến đường quy hoạch rộng 20m (Phía Bắc Trường Đại học Phú Yên) cũ và đoạn đường quy hoạch rộng 20m (Phía Bắc Trường Đại học Phú Yên) đến đường Nguyễn Hữu Thọ cũ - Gộp đoạn)*	1,0			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến *(Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Trần Hào cũ và đoạn từ đường Trần Hào đến đến đường An Dương Vương cũ, đoạn từ An Dương Vương đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến cũ - Gộp đoạn)*	1,0			
70	**Đường Phạm Hồng Thái**	1,0	1,0	1,0	1,0
71	**Đường Phạm Ngọc Thạch**				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến hết đoạn đã đầu tư hạ tầng *(Đoạn từ đường Tố Hữu đến đường Nguyễn Hữu Thọ cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn chưa đầu tư hạ tầng *(Đoạn còn lại cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
72	**Đường Phan Bội Châu**	1,0	1,0	1,0	1,0
73	**Đường Phan Đăng Lưu**	1,0	1,0	1,0	1,0
74	**Đường Phan Đình Phùng**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến hẻm số 6	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hẻm số 6 đến đường Tản Đà	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Tản Đà đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
75	**Đường Phan Lưu Thanh**	1,0	1,0	1,0	1,0
76	**Đường phía Tây Bệnh viện Tỉnh**	1,0	1,0	1,0	1,0
77	**Đường Phù Đổng**	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
79	**Đường rộng 16m thuộc các lô B6, L thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết tuyến đường Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, tỷ lệ 1/2.000**	1,0			
80	**Đường Tản Đà**	1,0	1,0	1,0	1,0
81	**Đường Tân Trào**	1,0			
82	**Đường Tây Sơn** (toàn tuyến)	1,0			
83	**Đường Thành Thái:** Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh	1,0	1,0	1,0	1,0
84	**Đường Tố Hữu:** Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Suyền	1,0	1,0	1,0	1,0
85	**Đường Trần Bình Trọng:** Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0	1,0
86	**Đường Trần Cao Vân:** Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
87	**Đường Trần Hào**	1,0	1,0	1,0	1,0
88	**Đường Trần Hưng Đạo**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đại lộ Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Duy Tân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Phan Đình Phùng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
89	**Đường Trần Mai Ninh:** Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến nhà số 109/2 Chu Văn An	1,0	1,0	1,0	1,0
90	**Đường Trần Nhật Duật:** Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0	1,0
91	**Đường Trần Phú**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Thành Phương *(Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Nguyễn Tất Thành cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến đường vành đai thành phố *(Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường vành đai thành phố cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
92	**Đường Trần Quốc Toản:** Đoạn từ đường Nguyễn Huệ - hẻm số 17 Lê Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
93	**Đường Trần Quý Cáp**				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
94	**Đường Trần Rịa:** Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,0			
95	**Đường Trần Suyền**	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
96	**Đường Trường Chinh**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Lý Thái Tổ	1,0			
-	Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú *(Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Phù Đổng (Cổng KTX trường Cao đẳng nghề) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường An Dương Vương *(Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương cũ)*	1,0			
97	**Đường Trương Định** (toàn tuyến)	1,0			
98	**Đường Văn Cao:** Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Ngọc Thạch	1,0	1,0	1,0	1,0
99	**Đường vào Công ty cổ phần An Hưng**	1,0			
100	**Đường Yersin**				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến cuối quán cà phê Thạch Tuyền	1,0			
101	**Khu vực cảng cá phường 6**	1,0	1,0	1,0	1,0
102	**Xã lộ 20**				
-	Đoạn từ Khu khoáng sản 5 đến cuối dốc Cây xanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối dốc Cây xanh đến giáp xã Hòa Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
103	**Khu dân cư Cây Muồng**				
-	Đường Trần Huy Liệu *(Trục đường rộng 12m cũ)*	1,0			
-	Trục đường rộng từ 6m - dưới 10m	1,0			
104	**Khu dân cư Công ty CPXD Phú Yên**				
-	Đường rộng 20m, đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Chí Linh	1,0			
-	Đường rộng 20m, đoạn từ đường Chi Lăng đến Nguyễn Văn Huyên	1,0			
105	**Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (giai đoạn 1), thành phố Tuy Hòa** (sau khi đầu tư hạ tầng)				
-	Đường Hoàng Văn Thụ	1,0			
-	Đường Trần Suyền	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 20m	1,0			
-	Đường N3 quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 14m	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 12m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
106	**Khu dân cư FBS**				
-	**Đường Trương Kiểm** *(Trục đường rộng 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Lê Văn Hưu** *(Trục đường rộng 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Võ Văn Tần** *(Trục đường rộng 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Huỳnh Nựu** *(Trục đường rộng 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Võ Văn Dũng** *(Trục đường rộng 13,5m cũ)*	1,0			
-	Trục đường rộng 13,5m còn lại	1,0			
107	**Khu dân cư Hưng Phú**				
-	**Đường Nguyễn Côn** *(Trục đường 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Trần Quang Diệu** *(Đoạn Trần Phú đến Hoàng Văn Thụ) (Trục đường 10 - 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Tô Hiến Thành** *(Trục đường 10 - 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường Nguyễn Thiếp** *(Trục đường 10 - 13,5m cũ)*	1,0			
-	**Đường số 2 rộng 10m** (đoạn từ ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 2 đến ngã tư đường Trần Quang Diệu - đường số 1B)	1,0			
-	**Đường số 1B rộng 10m** (đoạn từ ngã tư đường Trần Quang Diệu - đường số 1B đến nhà số B81)	1,0			
-	**Đường số 1C rộng 10m** (đoạn từ ngã ba đường số 1B- 1C đến ngã ba đường 1C - đường Nguyễn Thiếp)	1,0			
-	**Đường số 1A rộng 10m** (đoạn từ ngã ba đường Tô Hiến Thành - nhà số A30 đến ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 1A)	1,0			
108	**Khu dân cư Nghị Trần**				
-	Đường Đào Trí *(Đường rộng 16m cũ)*	1,0			
-	Trục đường rộng 10m	1,0			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m	1,0			
109	**Khu dân cư Nguyễn Thái Học**				
-	Trục đường rộng 10m	1,0			
-	Trục đường rộng 6m	1,0			
110	**Khu dân cư Ninh Tịnh 1, 2, Bộ đội biên phòng** (Đường rộng từ 6m-dưới 10m)	1,0			
111	**Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương** (Đoạn từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông) tại Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa				
-	**Đường Lý Nam Đế** (Rộng 25m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên	1,0			
-	**Đường Lê Đài** (Rộng 16m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	**Đường Lương Định Của** (Rộng 16m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên	1,0			
-	**Đường Trần Nhân Tông** (Rộng 25m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên	1,0			
-	Đường quy hoạch N rộng 12m	1,0			
112	**Khu dân cư phía Đông đường Hùng vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông)** (sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	**Đường Trường Chinh** (rộng 20m): Đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đường rộng 16m	1,0			
-	**Đường Trần Nhân Tông** (rộng 25m): Đoạn từ đường Nguyễn văn Huyên đến đường quy hoạch số 2 rộng 16m	1,0			
-	**Đường N7B** (rộng 16m): Đoạn từ đường Nguyễn Văn Huyên đến đường quy hoạch số 2 rộng 16m	1,0			
-	**Đường quy hoạch rộng 16m**: Đoạn từ đường nguyễn Văn Huyên đến đường quy hoạch số 2 rộng 16m	1,0			
-	**Đường quy hoạch số 2 (rộng 16m):** Đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đường N7B rộng 16m	1,0			
-	**Các tuyến đường nội bộ (rộng 6m):** Đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đường N7B rộng 16m	1,0			
113	**Khu dân cư Rạch Bầu Hạ**				
-	Trục đường rộng 10m - dưới 16m	1,0			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m	1,0			
114	**Khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú**				
-	Đường Tô Nào *(Trục đường rộng 22,6m cũ)*	1,0			
-	Đường Tô Ngọc Trác *(Các trục đường rộng 12m cũ)*	1,0			
-	Các trục đường rộng 8m và rộng 9m	1,0			
-	Trục đường rộng 6m	1,0			
115	**Khu đất 1,3ha phía Bắc Trung tâm thương mại Vincom Tuy Hòa-Phú Yên, Phường 7, thành phố Tuy Hòa:** Các đường nội bộ rộng từ 10m đến 13,5m	1,0			
116	**Khu phố Điện Biên Phủ**				
-	Đường D1	1,1			
-	Đường số 8A (đoạn từ Nguyễn Trãi-đường Điện Biên Phủ)	1,0			
-	Các đường nội bộ rộng 5m	1,0			
117	**Khu Trung tâm Thương mại Vincom Tuy Hòa-Phú Yên, Phường 7, thành phố Tuy Hòa:** Các đường nội bộ rộng từ 10m đến 13,5m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
118	**Khu dân cư tại 47 Nguyễn Trung Trực, Phường 8:** Trục đường quy hoạch rộng 6m	1,0			
119	**Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại phường 9, thành phố Tuy Hòa**				
-	**Đường Lý Nam Đế** rộng 25m (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1,0			
-	**Đường Hà Huy Tập** (Đoạn từ đường số D2 đến đường Lê Đài)	1,0			
-	**Đường Lê Đài** (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1,0			
-	**Đường Lương Định Của** (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1,0			
-	**Đường Nơ Trang Long** rộng 13,5m (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1,0			
-	Đường số 01, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
120	**Khu tái định cư dự án đường Điện Biên Phủ giai đoạn 2, 3 tại Phường 9, thành phố Tuy Hòa**				
-	**Đường Lê Đài** (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1,0			
-	**Đường số 01** và đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
121	**Khu tái định cư phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2, Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa**				
-	**Đường N2 (Rộng 42m)** (Đoạn từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông)	1,0			
-	**Đường An Dương Vương** (Đoạn từ đường số 01 đến đường N4)	1,0			
-	**Đường Lý Nam Đế** (Đoạn từ đường số 1 đến đường N4)	1,0			
-	**Đường Trần Nhân Tông** (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường N2)	1,0			
-	**Đường Lê Đài** (Đoạn từ đường số 1 đến đường N4)	1,0			
-	**Đường Lương Định Của** (Đoạn từ đường số 1 đến đường N2)	1,0			
-	**Đường Hà Huy Tập** (Đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đường D2)	1,0			
-	Đường số 01, đường D2, đường D4, đường N3, đường N4 và các đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Đường D5 và các đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 10m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
122	**Khu Tái định cư phường 9**				
-	Trục đường rộng 20m	1,0			
-	Trục đường rộng 16m	1,0			
-	Trục đường rộng 13m	1,0			
-	Trục đường rộng 10m	1,0			
123	**Đất có mặt tiền tiếp giáp bến xe nội thành**	1,0			
124	**Khu tái định cư trong Dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh** *(sau khi đã đầu tư hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt)*				
-	Các trục đường rộng 20m	1,0			
-	Các trục đường rộng 16m	1,0			
125	**Khu dân cư của dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh**				
-	Đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch rộng 20m*	1,0			
-	Đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)*	1,0			
-	Đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m)*	1,0			
-	Đường Quy hoạch rộng 20m: *Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Mậu Thân*	1,0			
-	Đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)*	1,0			
-	Đường Quy hoạch số 05 (rộng 16m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)*	1,0			
-	Đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m): *Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)*	1,0			
126	**Khu đất số 5, 6**				
-	Các đường quy hoạch rộng 16m: Đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Trần Hào	1,0			
B	**Khu vực phường Phú Lâm, phường Phú Thạnh, phường Phú Đông** (Đô thị loại II)				
1	**Quốc lộ 1:** Đoạn từ ranh giới huyện Đông Hòa đến đại lộ Nguyễn Tất Thành (nút giao thông QL 1)	1,0			
2	**Đại lộ Hùng Vương:** Đoạn qua địa bàn phường Phú Đông	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	**Đại Lộ Nguyễn Tất Thành:** Đoạn từ nút giao thông quốc lộ 1 đến Nam cầu Đà Rằng	1,05	1,05	1,05	1,05
4	**Đường 27 tháng 7**	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường 3 tháng 2**				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Thăng Long	1,05	1,05	1,05	1,05
-	Đoạn từ đường Thăng Long đến hẻm phía Nam Trường mầm non Phường Phú Thạnh	1,05	1,05	1,05	1,05
-	Đoạn từ hẻm phía Nam trường mầm non Phường Phú Thạnh đến đường sắt	1,05	1,05	1,05	1,05
6	**Đường Bùi Thị Xuân:** Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Đường Cao Bá Quát**				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu ông Đảm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Đảm đến giáp đường Trần Rến	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Chiến Thắng**				
-	Đoạn từ giáp xã Hòa Thành, Đông Hòa đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến hết Khu dân cư chợ Phú Lâm	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Đinh Tiên Hoàng**				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến Ngã 3 đồn biên phòng cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 Đồn biên phòng cũ đến cổng nhà máy đóng tàu	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Đoàn Thị Điểm:** Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Chiến Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường Đống Đa:** Đoạn từ đường Trần Rến đến giáp cầu sắt Hòa Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Kim Đồng:** Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến bề tường phía Tây nghĩa trang liệt sĩ	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Lạc Long Quân:** Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Nguyễn Văn Linh	1,05	1,05	1,05	1,05
14	**Đường Ngô Gia Tự**	1,05	1,05	1,05	1,05
15	**Đường Nguyễn Anh Hào**				
-	Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh-xã giáp Hòa Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường Nguyễn Hồng Sơn**				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
17	**Đường Nguyễn Thị Định** (Toàn tuyến)	1,0	1,0	1,0	1,0
18	**Đường Nguyễn Văn Linh**	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Phạm Đình Quy:** Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0
20	**Đường Phạm Văn Đồng**				
-	Đoạn từ Lạc Long Quân đến đường Nguyễn Thị Định	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến hết tuyến đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0
21	**Đường Phan Chu Trinh**				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết khu dự án Nhà ở Xã hội Nam Hùng Vương	1,0			
22	**Đường Thăng Long**				
-	Đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Trần Kiệt	1,05	1,05	1,05	1,05
-	Đoạn từ đường Trần Kiệt đến điểm giao đường sắt và đường 3 tháng 2	1,05	1,05	1,05	1,05
-	Đoạn từ giáp đường Sắt và đường 3 tháng 2 đến giáp xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa	1,05	1,05	1,05	1,05
23	**Đường Trần Kiệt**	1,05	1,05	1,05	1,05
24	**Đường Trần Rến** *(Toàn tuyến)*	1,0	1,0	1,0	1,0
25	**Đường Võ Thị Sáu:** Đoạn từ đường Thăng Long đến Đại lộ Hùng Vương	1,05	1,05	1,05	1,05
26	**Đường Yết Kiêu**				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến Đại lộ Hùng Vương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn Đại lộ Hùng Vương đến đường Đinh Tiên Hoàng	1,0	1,0	1,0	1,0
27	**Khép kín khu dân cư tại khu phố 4, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)				
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
28	**Khu dân cư cơ sở nhà hát nhân dân huyện Tuy Hòa và Khu tập thể huyện Đoàn Tuy Hòa**				
-	Trục đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Trục đường quy hoạch rộng 7,5m	1,0			
29	**Khu dân cư phía Bắc của Khu đô thị mới Nam Tuy Hòa**				
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m	1,0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 31m	1,0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,0			
-	Tuyến đường N1 quy hoạch rộng 15,5m	1,0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 15,5m (trừ đường N1)	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
30	**Khu dân cư phía Bắc đường quy hoạch rộng 42m (Khu nhà CBCS Công an tỉnh), tại khu phố 3, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Đường Phan Chu Trinh	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Đường N2 và các đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
31	**Khu dân cư phía Đông khu nhà ở cho cán bộ chiến sĩ công an tỉnh, tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Đường Phan Chu Trinh	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 10m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 11m	1,0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 7m	1,0			
32	**Khu dân cư phía Tây đường quy hoạch rộng 25m (Khu nhà CBCS Công an tỉnh), tại khu phố 4, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
33	**Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 01 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đường Phan Chu Trinh	1,05			
-	Các đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Các đường quy hoạch rộng 20m	1,05			
-	Các đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
34	**Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 03 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa**				
-	Tuyến đường Hùng Vương nối dài rộng 42m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 20m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12,5m	1,05			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
35	**Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 2), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
36	**Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 4), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa** (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)				
-	Đường Phan Chu Trinh	1,05			
-	Đường Trần Kiệt	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 20m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1,05			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 10m	1,05			
37	**Khu đất nhà ở cán bộ lực lượng vũ trang thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Tỉnh tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa**				
-	Các trục đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 10m	1,0			
38	**Khu đất nhà ở cho chiến sĩ lực lượng vũ trang Công an tỉnh tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa**				
-	Các trục đường quy hoạch rộng 25m	1,05			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m	1,05			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 7m	1,05			
39	**Khu Khép kín KDC khu phố 4, phường Phú Thạnh**	1,05			
40	**Khu nhà ở cho cán bộ LLVT thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**				
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
-	Đường rộng 10m	1,0			
41	**Khu Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương tại phường Phú Đông** (sau khi được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)				
-	Đường quy hoạch rộng 42m (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Nguyễn Hồng Sơn)	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 11m	1,0			
42	**Khu tái định cư phường Phú Đông**				
-	Đường rộng trên 25m	1,0			
-	**Đường Trần Khánh Dư** *(Trục đường rộng 20m - dưới 25m cũ)*	1,0			
-	**Đường Trần Toại** *(Trục đường rộng 16m - dưới 20m cũ)*	1,0			
-	**Đường Tô Hiệu** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Ngô Thì Nhậm** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Đoàn Khuê** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Đào Duy Từ** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Lê Vụ** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Phan Huy Chú** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Phùng Chí Kiên** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Ngô Sĩ Liên** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Cẩm Giàng***(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Tô Ngọc Vân***(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
-	**Đường Bình Giang** *(Trục đường rộng 12m - dưới 16m cũ)*	1,0			
43	**Khu tái định cư để di dời các hộ dân ảnh hưởng bởi triều cường tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đường quy hoạch rộng 42m	1,0			
-	Đường N1 và các đường quy hoạch rộng 20m	1,0			
-	Đường N2 và các đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Đường N3, đường N4, đường N5, đường N6, đường N7, đường N9, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 12,5m	1,0			
-	Đường N8, đường N10 và các đường quy hoạch rộng 9m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
II	**Thị xã Sông Cầu** (Đô thị loại III gồm 4 phường: Xuân Yên, Xuân Phú, Xuân Thành, Xuân Đài)				
1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Phương đến Bắc cầu Lệ Uyên *(Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Phương đến giáp đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Lệ Uyên đến giao đường Phạm Văn Đồng (phía Bắc) *(Đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A (phía Bắc) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Phạm Văn Đồng (phía Bắc) đến giáp chùa Long Quang *(Đường tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn từ đầu tuyến tránh (phía Bắc) đến giáp chùa Long Quang cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Long Quang đến giao đường Phạm Văn Đồng (phía Nam) *(Đường tuyến tránh Quốc lộ 1, Đoạn từ chùa Long Quang đến giáp ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Nam))*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Phạm Văn Đồng (phía Nam) đến giáp Bắc cầu Huyện *(Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 đến giáp Bắc cầu Huyện)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trạng) *(Đoạn từ Nam cầu Huyện đến giáp Bắc chân dốc Quýt cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trạng) đến giáp ranh xã Xuân Thọ 2 *(Đoạn từ phía Bắc chân dốc Quýt đến giáp phía Nam chân dốc Quýt cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thọ 2 đến đỉnh đèo Gành Đỏ (Cây xăng Hoàng Long) *(Đoạn từ Nam chân dốc Quýt đến giáp Nam chân đèo Gành Đỏ cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh đèo Gành Đỏ (Cây xăng Hoàng Long) đến giáp cổng đường vào khu phố Bình Thạnh (trừ khu dân cư An Bình Thạnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật) *(Đoạn từ phía Nam chân đèo Gành Đỏ đến giáp cổng đường vào khu phố Bình Thạnh cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cổng khu phố Bình Thạnh đến giáp chân dốc Vườn Xoài (Hướng đi vào cầu gỗ) *(Đoạn từ Cổng khu phố Bình Thạnh đến giáp ranh huyện Tuy An cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân dốc Vườn Xoài (Hướng đi vào cầu gỗ) đến giáp ranh huyện Tuy An *(Đoạn từ Cổng khu phố Bình Thạnh đến giáp ranh huyện Tuy An cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	**Đường ĐT 642:** Đoạn giáp Quốc lộ 1 đến ngã ba trong	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Đường ĐT 644**, đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Xuân Lâm*(Đường 1 tháng 4 - đoạn từ giáp tuyến tránh QL 1A đến giáp ranh xã Xuân Lâm cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường 1 tháng 4**	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường Bùi Thị Xuân**	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Đường Đoàn Thị Điểm** *(Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Võ Thị Sáu cũ, Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Phạm Văn Cầu cũ – gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Đường Hai Bà Trưng**				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Huệ đến giáp trụ sở Công an thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Hoàng Hoa Thám**	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Hùng Vương**	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Kim Đồng**	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường Lê Duẩn**				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến cầu Tam Giang 2 *(Đoạn từ giáp dự án khu A&B đến cầu Tam Giang 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Tam Giang 2 đến giáp đập Đá Vải	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Lê Hồng Phong**				
-	Đoạn giáp đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường gom Quốc lộ 1	1,0			
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Lê Lợi**				
-	Đoạn từ giáp dự án Khu đô thị mới Bắc Lục Khẩu (Khu A) đến giáp đường Phạm Văn Đồng *(Đoạn từ giáp dự án Khu A đến giáp đường Phan Bội Châu, Đoạn từ giáp đường Phan Bội Châu đến giáp đường Phạm Văn Đồng cũ – gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp vòng xoay đường 1 tháng 4 *(Đoạn còn lại cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Đường Lê Thành Phương**				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Lê Hồng Phong *(Toàn tuyến cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường Lê Hồng Phong đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 *(Toàn tuyến cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
15	**Đường Lê Văn Tám** (khu dân cư nam Nguyễn Hồng Sơn)	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
16	**Đường Lương Văn Chánh**	1,0	1,0	1,0	1,0
17	**Đường Lý Thường Kiệt**	1,0	1,0	1,0	1,0
18	**Đường Ngô Quyền**	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Nguyễn Hồng Sơn**				
-	Đoạn giáp đường Phạm Văn Đồng đến Lăng Bà	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Lăng Bà đến cầu xi măng lên Mỹ Sơn (Trường Mẫu giáo Mỹ Thành)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu xi măng lên Mỹ Sơn (Trường Mẫu giáo Mỹ Thành) đến giáp quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
20	**Đường Nguyễn Huệ**	1,0	1,0	1,0	1,0
21	**Đường Nguyễn Văn Linh**				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giáp Quốc lộ 1 đến đập Đá Vải	1,0	1,0	1,0	1,0
22	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	1,0			
23	**Đường Phạm Văn Đồng**				
-	Đoạn từ giáp Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ (*Đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Tam Giang cũ đến bắc cầu vượt	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu vượt đến dốc Găng (Nhà ông Trịnh Minh Hoài) *(Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Găng (Nhà ông Trịnh Minh Hoài) đến giáp Quốc lộ 1 (phía Nam) *(Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
24	**Đường Phan Bội Châu**	1,0	1,0	1,0	1,0
25	**Đường Phan Chu Trinh** (Đường quy hoạch 6-2)	1,0	1,0	1,0	1,0
26	**Đường Phan Đình Phùng**	1,0	1,0	1,0	1,0
27	**Đường Tô Hiến Thành**	1,0			
28	**Đường Trần Bình Trọng**	1,0	1,0	1,0	1,0
29	**Đường Trần Hưng Đạo**	1,0	1,0	1,0	1,0
30	**Đường Trần Quốc Toản** (Đường quy hoạch 6-3)	1,0	1,0	1,0	1,0
31	**Đường Triệu Thị Trinh** (Đường quy hoạch 6-1)	1,0	1,0	1,0	1,0
32	**Đường Võ Thị Sáu**	1,0	1,0	1,0	1,0
33	**Đường Yết Kiêu**	1,0	1,0	1,0	1,0
34	**Điểm dân cư An Thạnh, phường Xuân Đài**				
-	Quốc lộ 1	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 6m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
35	**Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài** (giai đoạn 1, đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)				
-	Ô phố B:				
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rộng 16m	1,0			
+	Đường rộng 25m	1,0			
+	Quốc lộ 1	1,0			
-	Ô phố J:				
+	Đường rộng 6m	1,0			
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rộng 16m	1,0			
-	Ô phố I:				
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rộng 16m	1,0			
+	Đường rộng 25m	1,0			
+	Quốc lộ 1	1,0			
-	Ô phố E:				
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rộng 25m	1,0			
+	Quốc lộ 1	1,0			
36	**Khu dân cư Đồng Mặn, phường Xuân Đài**				
-	Đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn (đoạn qua Khu dân cư Đồng Mặn); các đường quy hoạch D1, D2, D3 (đoạn từ đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn đến đường N1)	1,0			
-	Các đoạn đường còn lại	1,0			
37	**Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu** (Khu A; sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt) *(Khu A và Khu B; sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt cũ)*				
-	Đường rộng 26,5m	1,0			
-	Đường rộng 25m	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 14m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
38	**Khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn:**				
-	Đường rộng 6m	1,0			
-	Đường rộng 3m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
39	**Khu dân cư phía Đông sân thể thao cơ bản thị xã Sông Cầu**				
-	Đường rộng 12m	1,0			
-	Đường rộng 8m	1,0			
40	**Khu dân cư phía Nam kè sông Tam Giang, Phường Xuân Phú:** Đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
41	**Khu dân cư Phú Vĩnh, phường Xuân Đài**				
-	Đường rộng 10m, khu A (từ lô A1 đến lô A6)	1,0			
-	Đường rộng 10m, khu A (các lô còn lại)	1,0			
-	Đường rộng 4m	1,0			
42	**Khu dân cư Phước Lý**				
-	Khu D, C, E, G: Đường bê tông rộng 5m	1,0			
-	Khu A, B, C, D: Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường nội bộ rộng 5m	1,0			
43	**Khu dân cư Phương Lưu Đông, phường Xuân Đài** (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)				
-	Đường ven vịnh Xuân Đài (đoạn qua Khu dân cư Phương Lưu Đông)	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 10m	1,0			
44	**Khu dân cư Sân khấu lộ thiên**				
-	Đường rộng 14m				
+	Đường Hồng Bàng	2,0			
+	Đường Âu Cơ	2,0			
+	Đường Lạc Long Quân	2,0			
-	Đường rộng 14m còn lại				
+	Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu E: từ lô E1 đến lô E14)	2,0			
-	Đường rộng 16m				
+	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu B: từ lô B1 đến lô B8, Khu D: từ lô D1 đến lô D5; Khu F: từ lô F15 đến lô F19 và khu E: từ lô E15 đến lô E17)	2,0			
45	**Khu dân cư Sở canh nông, phường Xuân Đài.** Đường rộng 4m	1,0			
46	**Khu dân cư Tây Dân Phước**				
-	Đường rộng 3m (ô phố G)	1,0			
-	Đường rộng 3m	1,0			
-	Đường rộng 4m (ô phố G)	1,0			
-	Đường rộng 4m (ô phố C)	1,0			
-	Đường rộng 4m	1,0			
47	**Khu đất phía sau trường Nguyễn Hồng Sơn, phường Xuân Thành.** Đường quy hoạch rộng 8m thuộc Khu đất phía sau trường Nguyễn Hồng Sơn	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
48	**Khu tái định cư quốc lộ 1, Chánh Nam - Khoan Hậu, phường Xuân Đài**				
-	Đường phía Tây rộng 8m	1,0			
-	Đường số 2, rộng 12m	1,0			
-	Đường số 01, số 11, rộng 8m và đường số 10, rộng 12m	1,0			
49	**Khu tái định cư quốc lộ 1, Lệ Uyên Đông, phường Xuân Yên**				
-	Đường số 1, rộng 16m	1,0			
-	Đường số 2, rộng 16m	1,0			
50	**Khu tái định cư quốc lộ 1, Xóm Cồn (đoạn từ Bắc đường Đài Loan - Việt Nam đến Lăng), phường Xuân Đài**				
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
51	**Khu tái định cư quốc lộ 1, Xóm Mới, khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài**				
-	Đường N1, rộng 16m	1,0			
-	Đường D1, rộng 7,5m	1,0			
-	Đường N2, rộng 10m và đường D2, rộng 7,5m	1,0			
52	**Đường phía Nam sông Thị Thạc, đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường 1/4**	**2,0**			
III	**Thị trấn Chí Thạnh - huyện Tuy An** (Đô thị loại V)				
1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ ranh giới xã An Cư đến giáp cầu Đông Sa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đông Sa đến điểm giao phía nam cầu vượt	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ điểm giao phía nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân cầu vượt phía bắc đến cầu Ngân Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Lò Gốm (mới)**	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Đường Châu Kim Huệ**				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến Nhà máy xay xát cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà máy xay xát cũ đến A20	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường Hải Dương:** Đoạn từ Quốc lộ 1 đến ngã tư đường Lê Thành Phương	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn**	1,0			
6	**Đường Lê Thành Phương**				
-	Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến QL1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1 đến giếng nông sản	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Giếng nông sản đến giáp ranh xã An Định	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7	**Đường Long Đức đi An Lĩnh**				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên) đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Ngân Sơn Chí Thạnh**	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Nguyễn Hoa**	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Nguyễn Mỹ**	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường Nguyễn Thị Loan**	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Ô Loan**	1,0			
13	**Đường số 7**	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Đường Trần Phú**				
-	Đoạn từ QL1 (KP-Trường Xuân) đến đường Ngân Sơn - Chí Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn - Chí Thạnh đến đường Trần Rịa	1,0			
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến cống hộp (KP-Long Bình)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống hộp khu phố Long Bình đến QL 1 (KP- Chí Đức)	1,0	1,0	1,0	1,0
15	**Đường Trần Rịa**				
-	Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường Trần Rịa - chùa Long Bình đến đường Trần Phú**				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ) đến đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
17	**Đường từ Quốc lộ 1 (Ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gốm (cũ)**	1,0	1,0	1,0	1,0
18	**Đường từ Quốc lộ 1 đến cổng nhà máy nước (KP-Trường Xuân)**	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Võ Trứ**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hải Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hải Dương đến đường Ngân Sơn Chí Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn - Chí Thạnh đến đường Lê Thành Phương	1,0			
20	**Khu dân cư đồng Gò Méc**				
-	Đường rộng ≥ 6m	1,0			
-	Đường rộng < 6m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
21	**Khu dân cư đường Trần Phú**				
-	Đường số 3	1,0			
-	Đường số 4	1,0			
-	Đường số 14	1,0			
-	Đường số 13	1,0			
-	Đường số 10; đường số 11 và đường số 16	1,0			
22	**Khu dân cư xưởng cưa Liên Thành:** Đường rộng 5m	1,0			
23	**Khu đô thị mới Ánh Dương** *(sau khi đầu tư xây dựng xong cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)*				
-	Đường quy hoạch D4, D5, N5 rộng 19,25m	1,0			
-	Đường quy hoạch N1 rộng 19m	1,0			
-	Đường quy hoạch D1, D2, D3, N2, N3, N4, N6, N7 rộng 11,5m	1,0			
-	Đường quy hoạch N8 rộng 4m	1,0			
24	**Khu tái định cư khu phố Chí Đức**				
-	Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3, Đường số 4, Đường số 5, Đường số 6	1,0			
25	**Khu tái định cư thị trấn Chí Thạnh**				
-	Đường số 3, Đường D1, Đường D2, Đường D3, Đường N1, Đường N2	1,0			
IV	**Thị trấn Phú Hòa – huyện Phú Hòa** (Đô thị loại V)				
1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Km11+700	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km 11+700 đến Ga Đèo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ga Đèo đến ranh giới xã Hòa Định Tây	1,2	1,0	1,0	1,0
2	**Đường bao phía Đông đến nhà ông Đặng**	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Đường Đông - Tây**	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường Ga Đèo đến giáp đường bao phía Đông**	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường Nam - Bắc**	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Đường ĐH 27:** (đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa cũ) - Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Quốc lộ 25	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Đường ĐH 29**				
-	Đoạn từ ranh giới đường Ga Đèo đến cầu Huyện Đội	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu huyện Đội đến ranh giới xã Hòa Định Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường nội bộ trong khu dân cư N03, N07 và tái định cư N09**				
-	Đường rộng từ 11,5m trở lên	1,0			
-	Đường rộng dưới 11,5m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9	**Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn**	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Đông – Tây nối dài (Đoạn từ Đường bao phía Đông đến nhà ông Đặng đến đường quy hoạch D9)** *(phần đã đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt)*	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường nội bộ trong Khu dân cư NLK4 thị trấn Phú Hòa (giai đoạn 1)** *(sau khi đã đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt)*				
-	Đường NB-1 rộng 13,5m, đoạn từ đường NB-2 đến đường D3	1,0			
-	Đường NB-2 rộng 14m, đoạn từ đường Đông – Tây nối dài (đường N7) đến đường NB-1	1,0			
-	Đường D3 rộng 19m, đoạn từ đường Đông – Tây nối dài (đường N7) đến đường NB-1	1,0			
V	**Thị xã Đông Hoà** (Đô thị loại IV)				
A	**Phường Hòa Vinh - thị xã Đông Hòa**				
1	**Quốc lộ 1**:				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Lâm đến giao đường Gò Mầm - Đông Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Gò Mầm - Đông Mỹ đến Trường THPT Lê Trung Kiên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường PTTH Lê Trung Kiên đến cổng Văn hóa khu phố 4	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng Văn hóa khu phố 4 đến cầu Bàn Thạch cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng Văn hóa khu phố 4 đến cầu Bàn Thạch mới	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Quốc lộ 29:** Đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Hòa Tân Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
3	**Tuyến nối Quốc lộ 1 đến KCN Hòa Hiệp** (Giai đoạn 1)	1,2	1,1	1,1	1,1
4	**Đường Âu Cơ** *(Đoạn từ Khu dân cư số 2, đường N2.1 rộng 15,5m cũ. Đoạn trong Khu Tái định cư số 1: Đường nhựa rộng 15,5m cũ – Gộp đoạn)*	1,1	1,1	1,1	1,1
5	**Đường Bà Triệu:** Đoạn từ giáp QL1 - Lù 3 đến Ấp nhỏ - Cuối xóm *(Khu vực 2 cũ)*	1,1	1,1	1,1	1,1
6	**Đường Cao Bá Quát:** Đoạn từ giáp QL1 - CLB Kim Yên đến giáp đường Xuân Diệu *(Khu vực 2 cũ)*	1,1	1,1	1,1	1,1
7	**Đường Chu Văn An:** Đoạn từ Trụ sở KP5 đến nhà Trần Hòa - KP5 *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Đỗ Như Dạy** (*Đoạn thuộc Khu dân cư số 6, đường Đỗ Như Dạy cũ và Đoạn tiếp giáp Khu dân cư số 6 đến Quốc lộ 1 (Khu vực 1 cũ) – Gộp đoạn)*	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9	**Đường Đoàn Thị Điểm:** Đoạn từ giáp QL1 - Nhà Tư Bắc đến giáp đường Xuân Diệu *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Hà Huy Tập:** Đoạn từ đường D1 đến Quốc lộ 1 *(Khu vực 1 cũ)*	1,1			
11	**Đường Hai Bà Trưng:** Đoạn từ Quốc lộ 1 - nhà thờ Đông Mỹ đến giáp phường Hòa Hiệp Bắc *(Khu vực 2 cũ)*	1,1	1,1	1,1	1,1
12	**Đường Hồ Xuân Hương:** Đoạn từ giáp QL1 - Cổng chào KP4 đến đường Xuân Diệu *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Lê Duẩn:** Đoạn từ đường D1 đến đường Trần Hưng Đạo *(Khu vực 1 cũ)*	1,1			
14	**Đường Lê Lợi:** Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Tất Thành (*Khu TĐC số 1, đường nhựa rộng 20,5m cũ)*	1,1			
15	**Đường Lê Thành Phương:** Đoạn từ trụ sở Phòng Giáo dục thị xã đến Ngã Tư Gò Càn (Khu dân cư Vườn Mít cũ)	1,1	1,1	1,1	1,1
16	**Đường Lê Trung Kiên** *(Khu vực 1 cũ)*				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến hết đoạn đã đầu tư mở rộng	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
17	**Đường Lý Thường Kiệt**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường vào khu dân cư Tam Gia	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào khu dân cư Tam Gia đến đường Nguyễn Thị Minh Khai *(Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường vào khu dân cư Tam Gia cũ và Đoạn trong khu tái định cư số 1: Đường nhựa rộng 20,5m cũ – Gộp đoạn)*	1,1			
18	**Đường Mạc Thị Bưởi:** Đoạn từ giáp QL29 - Tại cổng chào KP3 đến cầu KP3 - Nhà Ông Cật *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Nguyễn Công Trứ:** Đoạn từ giáp QL1 - Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến đường Xuân Diệu *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
20	**Đường Nguyễn Mỹ:** Đoạn từ giáp QL1 - Đối diện Nhà thờ Đông Mỹ đến cầu chợ cũ Đông Mỹ *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
21	**Đường Nguyễn Tất Thành**: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Bến Lớn	1,1			
22	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai:** Đoạn đã đầu tư hạ tầng*(Khu Dân cư Số 2: Đường N2 rộng 20,5m cũ và Khu Tái định cư số 1: Đường nhựa rộng 20,5m cũ – Gộp đoạn)*	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
23	**Đường Nguyễn Tri Phương:** Đoạn từ Lù Đôi - KP5 đến nhà ông Trần Cơn - KP5 *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
24	**Đường Phan Đình Phùng:** Đoạn từ giáp QL1 đến nhà Ông Nguyễn Phúc - KP5 *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
25	**Đường Phan Lưu Thanh:** Đoạn từ giáp Ql29 - Tại cổng chào KP2 đến giáp Sông Bến Lớn *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
26	**Đường Tố Hữu:** Đoạn từ giáp QL1 - Nhà Tám Mạng đến đường Xuân Diệu *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
27	**Đường Trần Hưng Đạo** *(Đường D2 cũ)*				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Nguyễn Thị Minh Khai *(Đường D2.1 rộng 15,5m từ đường D2 đến đường N4-A cũ)*	1,1			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Lê Duẩn *(Đường D2 rộng 15,5m từ đường N2 đến hết đường D2 cũ)*	1,1			
28	**Đường Trần Khánh Dư** *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
29	**Đường Võ Nguyên Giáp** *(Quốc lộ 29 cũ)*				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 tới cổng văn hóa khu phố 3 *(Đoạn từ ngã ba Cây Bàng đến đường bê tông cổng văn hóa khu phố 3 cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng văn hóa khu phố 3 đến ranh giới phường Hòa Hiệp Trung *(Đoạn từ đường bê tông cổng văn hóa khu phố 3 đến ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
30	**Đường Xuân Diệu:** Đoạn từ giáp đường D5 đến giáp QL1 *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
31	**Khu dân cư phố chợ Hòa Vinh** *(Sau khi đầu tư hạ tầng xong)*				
-	Đường rộng 36m	1,1			
-	Đường rộng 20,5m	1,1			
-	Đường rộng 18,5m	1,1			
-	Đường rộng 15,5m	1,1			
-	Đường rộng 12m	1,1			
32	**Điều chỉnh mở rộng Khu dân cư số 3** (Giai đoạn 1), đoạn rộng 12m	1,1			
33	**Khu dân cư số 5**: Đường rộng 10m *(Khu dân cư số 5 (dọc Quốc lộ 1) đường rộng 10m cũ)*	1,1			
34	**Khu dân cư số 6:** các đường trong khu dân cư (rộng 12m)	1,1			
35	**Khu dân cư số 7**				
-	Đường rộng 15,5m	1,1			
-	Đường rộng 12m	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
36	**Khu dân cư Vườn Mít**: Đường bê tông rộng 7m	1,1			
37	**Khu tái định cư số 1:** Đường bê tông rộng 12m	1,1			
38	**Khu dân cư số 8**				
-	Đường N4-B rộng 15,5m	1,0			
-	Đường N4-C rộng 15,5m	1,0			
39	**Mở rộng Khu dân cư số 5**				
-	Đường D1 rộng 15,5m	1,1			
40	**Các đường, đoạn đường còn lại trong phường** *(Khu vực 1 cũ, khu vực 2 cũ)*	1,05	1,0	1,0	1,0
41	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (đường rộng 12m)**	1,0			
B	**Phường Hòa Hiệp Trung**				
1	**Đường Hà Vi Tùng:** Đoạn từ giáp đường Đại lộ Hùng Vương đến giáp KP Thọ Lâm - Phường Hòa Hiệp Nam *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Đường Hòa Hiệp** *(Đường Liên Huyện và Quốc lộ 29, đoạn từ nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu) đến cổng chào khu phố Phú Hòa và Đoạn từ cổng chào khu phố Phú Hòa đến ranh giới Phường Hoà Hiệp Nam)*				
-	Đoạn từ ranh giới Phường Hòa Hiệp Bắc đến nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu) *(đường Liên huyện Cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Lê Đình Chuyên *(Cửa hàng xăng dầu)* đến cổng chào khu phố Phú Hòa	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ cổng chào khu phố Phú Hòa đến ranh giới phường Hòa Hiệp Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Đường Hoàng Văn Thụ**				
-	Đoạn từ khu dân cư Phú Hiệp 3 đến đường Tôn Thất Tùng (Điểm dân cư Phú Hiệp 3, đường rộng 25m cũ; Khu dân cư khu công nghiệp Hòa Hiệp (Phục vụ tái định cư), đường rộng 25m cũ – Gộp đoạn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Nguyễn Hữu Dực *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Dực đến đường Hà Vi Tùng *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường Huỳnh Tấn Phát:** Đoạn từ giáp nhà ông Lương Công Kỉnh, KP. Phú Hòa đến Ngã Ba Phú Thọ *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường Lê Anh Xuân:** Đoạn từ nhà Ông Nguyễn Đình Lâu, KP. Phú Hiệp 2 đến cổng chào Văn Hóa Phú Thọ *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6	**Đường Lê Hanh:** Đoạn từ giáp đường Lý Tự Trọng đến giáp đường Hòa Hiệp *(Khu vực 2 cũ)*	1,2	1,2	1,2	1,2
7	**Đường Lư Giang:** Đoạn từ giáp đường N29 đến giáp đường Hòa Hiệp *(Khu vực 2 cũ)*	1,2	1,2	1,2	1,2
8	**Đường Lương Tấn Thịnh:** Đoạn từ KP Phước Lâm - phường Hòa Hiệp Bắc đến KP Thọ Lâm - phường Hòa Hiệp Nam *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Lý Tự Trọng.** Đoạn từ đường Trần Phú đến đường N29 *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Ngô Gia Tự:** Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến Công viên Hòa Bình Hàn Việt, *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường Nguyễn Hữu Dực:** Đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến đường Hòa Hiệp *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Nguyễn Văn Linh:** Đoạn từ trường tiểu học Nguyễn Trãi phường Hòa Hiệp Trung đến đường Hòa Hiệp (Khu vực 2 cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
13	**Đường Tôn Thất Tùng:** Đoạn từ đường Đại lộ Hùng Vương đến đường Hòa Hiệp, *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Đường Trần Phú** *(Đường liên khu phố, đoạn đường từ quốc lộ 29 (nhà ông Phan Nghị) đến tuyến đường ven biển đi Vũng Rô cũ)*	1,1	1,1	1,1	1,1
15	**Đường Võ Nguyên Giáp** *(Quốc lộ 29 đoạn từ ranh giới phường Hòa Vinh đến Cầu Bi và đoạn từ Cầu Bi đến giáp đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu) cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới phường Hòa Vinh đến Cầu Bi	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ Cầu Bi đến giáp đường Hòa Hiệp	1,1	1,1	1,1	1,1
16	**Tuyến đường ven biển (Đại lộ Hùng Vương),** Đoạn đường từ ranh giới phường Hòa Hiệp Bắc đến ranh giới phường Hòa Hiệp Nam	1,3	1,3	1,3	1,3
17	**Điểm dân cư Phú Hiệp 3**				
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
-	Đường rộng 6m	1,0			
18	**Khu dân cư Khu công nghiệp Hòa Hiệp** (phục vụ tái định cư)				
-	Đường rộng 18m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
19	**Khu tái định cư tại khu phố Phú Hiệp 3 (giai đoạn 1)**				
-	Đường gom tiếp giáp Tiểu dự án 3 (rộng 20,5m)	1,0			
-	Đường rộng 25m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
20	**Khu dân cư Ba Bảng - Cầu Bi (giai đoạn 1)**: Các đường rộng 12m	1,1			
21	**Các đường, đoạn đường còn lại trong phường** *(Khu vực 1 cũ và khu vực 2 cũ – Gộp đoạn)*	1,05	1,0	1,0	1,0
C	**Phường Hòa Hiệp Bắc**				
1	**Đường liên thị xã**				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Thạnh đến UBND phường *(nhà ông Ngô Ân)*	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND phường *(nhà ông Ngô Ân)* đến ranh giới phường Hòa Hiệp Trung	1,05	1,0	1,0	1,0
2	**Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương)**: Đoạn từ giáp phường Phú Thạnh, Tp. Tuy Hòa đến giáp phường Hòa Hiệp Trung	1,1			
3	**Đường từ đường liên thị xã đến cổng chính KCN Hòa Hiệp 1**	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Tuyến nối Quốc lộ 1 (Đông Mỹ) đến khu công nghiệp giai đoạn 1**	1,2	1,05	1,0	1,0
5	**Khu tái định cư Dự án tuyến nối Quốc lộ 1 (Đông Mỹ) đến Khu công nghiệp Hòa Hiệp (giai đoạn 1)**				
-	Đường rộng 16m	1,1			
-	Đường rộng 10m	1,1			
6	**Khu dân cư nông thôn thôn Uất Lâm**				
-	Các đường quy hoạch rộng 9m	1,0			
-	Các đường quy hoạch rộng 5m	1,0			
7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong phường** *(Khu vực 1 cũ và Khu vực 2 cũ - Gộp đoạn)*	1,05	1,0	1,0	1,0
D	**Phường Hòa Hiệp Nam**				
1	Quốc lộ 29. Đoạn từ ranh giới phường Hòa Hiệp Trung đến Trường THCS Trần Kiệt *(Đường liên xã, đoạn từ ranh giới phường Hòa Hiệp Trung đến Trường THCS Trần Kiệt cũ).*	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Đại lộ Hùng Vương (Tuyến đường ven biển).** Đoạn từ ranh giới phường Hòa Hiệp Trung đến Bắc Cầu Đà Nông	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	**Khu tái định cư Phú Lạc** (giai đoạn 1)	1,0			
-	Đường rộng 24m	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
4	**Khu tái định cư Phú Lạc** *(giai đoạn 2)*				
-	Đường rộng 24m	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
5	**Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Hòa Hiệp giai đoạn 2**				
-	Đường rộng 30m	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
-	Đường rộng 10m	1,0			
-	Đường rộng 9m	1,0			
6	**Khu tái định cư Phú Lạc, phục vụ đường dẫn cầu Đà Nông** *(giai đoạn 2)*				
-	Đường rộng 12m *(Đường rộng 1m cũ)*	1,0			
-	Đường rộng 5m	1,0			
7	**Đường Lư Giang**	1,2	1,2	1,2	1,2
8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong phường** *(Khu vực 1 cũ và Khu vực 2 cũ - Gộp đoạn)*	1,05	1,0	1,0	1,0
9	**Khu dân cư phố chợ Hoà Hiệp Nam**				
-	Đường rộng 12m trong khu dân cư	1,0			
-	Đường rộng 08m trong khu dân cư	1,0			
E	**Phường Hòa Xuân Tây**				
1	**Quốc lộ 1:** Từ cầu Bàn Thạch đến ranh giới phường Hòa Xuân Đông	1,1	1,1	1,0	1,0
2	**Đường liên phường**: Từ chùa Phước Long đến Khu tái định cư	1,1	1,0	1,0	1,0
3	**Điểm dân cư nông thôn sau chùa Nam Long**				
-	Đường từ cổng chào thôn Nam Bình 1 đến cầu Bến Lớn (Đoạn qua điểm dân cư)	1,1			
-	Đường bao điểm dân cư	1,1			
4	**Các đường, đoạn đường còn lại** *(Khu vực 1 cũ và Khu vực 2 cũ - Gộp đoạn)*	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
VI	**Thị trấn Phú Thứ - huyện Tây Hòa**				
1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ga Gò Mầm đến trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp ranh xã Hòa Phong	1,2	1,1	1,0	1,0
2	**Đường ĐT 645**				
-	Đoạn từ Ga Gò Mầm đến Nhà ông Trọng	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trọng đến giáp ranh xã Hòa Bình 1	1,3	1,1	1,0	1,0
3	**Đường dọc theo bờ kênh Nam khu phố Phú Thứ**	1,0			
4	**Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh**				
-	Đoạn từ cầu Phú Thứ đến Vũng Trăng	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Vũng Trăng đến giáp ranh xã Hòa Đồng	1,3	1,1	1,0	1,0
5	**Đường nội thị trung tâm thị trấn Phú Thứ**	1,3	1,1	1,0	1,0
6	**Khu Tái định cư thị trấn Phú Thứ**				
-	Đường số 4; Đường số 9 (N6), Đường số 7, Đường số 1; Đường số 3, Đường số 8, Đường số 12, Đường số 14	1,1			
-	Đường số 16 (NB2-1); Đường số 6 (NB2-2)	1,1			
-	Đường số 10; Đường số 5; Đường ĐT 1-2	1,1			
7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn**	1,2	1,1	1,0	1,0
8	**Khu dân cư đoạn tư Siêu thị Hiệp Hoà Bình đến phía Tây Trung tâm GDNN-GDTX huyện**				
-	Đường D1, D2, N2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường N3 (đường gom)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường N1, D3	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	**Thị trấn Hai Riêng – huyện Sông Hinh**				
1	**Quốc lộ 29** (ĐT 645 cũ)				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaBia đến cầu Buôn Thô (giáp đường Trần Hưng Đạo)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở Quản lý đường bộ đến giáp trạm y tế thị trấn	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trạm y tế thị trấn đến ngã ba đi Buôn Ken	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi Buôn Ken đến giáp ranh giới xã Ea Bar	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Quốc lộ 19C** (Đường ĐT649 cũ)				
-	Đoạn từ ranh giới xã Đức Bình Tây đến giáp khu dân cư khu phố 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư khu phố 1 đến giáp đường quốc lộ 29 (ĐT645)	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	**Đường Bà Triệu**	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường Chu Văn An**	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường đi buôn 2 CKlốc, xã EaBia**				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ranh Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đến giáp ranh xã EaBia	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Đường Hai Bà Trưng**				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đến giáp ngã tư Lương Văn Chánh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Lương Văn Chánh đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1,1	1,0	1,0	1,0
7	**Đường Hồ Xuân Hương**	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Hoàng Hoa Thám**				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường vào Nhà Rông buôn Hai Riêng	1;1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào Nhà Rông buôn Hai Riêng đến cầu Ea Bia	1,1	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Hoàng Văn Thụ**	1,1	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Lê Hồng Phong**	1,1	1,0	1,0	1,0
11	**Đường Lê Lợi**				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hai Bà Trưng đến giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hoàng Văn Thụ đến giáp Trụ sở Quản lý đường bộ	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Lê Quý Đôn**	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Lê Thành Phương**	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Đường Lương Văn Chánh**				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến giáp đường Trần Hưng Đạo	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo – giáp ngã tư đường Ngô Quyền	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Ngô Quyền đến giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Hai Bà Trưng đến cống số 2	1,1	1,0	1,0	1,0
15	**Đường Lý Thường Kiệt**	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường Ngô Quyền**	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
17	**Đường Nguyễn Công Trứ:**				
-	Đoạn từ ngã ba Nguyễn Trãi đến giáp ngã ba Lương Văn Chánh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Lương Văn Chánh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ	1,1	1,0	1,0	1,0
18	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Nguyễn Huệ**	1,2	1,0	1,0	1,0
20	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	1,1	1,0	1,0	1,0
21	**Đường Nguyễn Trãi**				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nơ Trang Long đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,0	1,0	1,0	1,0
22	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	1,1	1,0	1,0	1,0
23	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	1,0	1,0	1,0	1,0
24	**Đường Nơ Trang Long**	1,0	1,0	1,0	1,0
25	**Đường nội thị: đoạn nối liền Hoàng Văn Thụ vào quy hoạch khu dân cư phố 6**	1,0	1,0	1,0	1,0
26	**Đường Trần Hưng Đạo**				
-	Đoạn từ cầu buôn Thô (giáp Quốc lộ 29) đến ngã ba đi buôn 2 CKlốc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi buôn 2 CKlốc đến Chi nhánh điện Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chi nhánh điện Sông Hinh đến giáp Huyện đội	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Huyện đội đến ngã ba Hoàng Hoa Thám	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến Nhà khách UBND huyện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà khách UBND huyện đến đường Hồ Xuân Hương *(Gộp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vượng) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)*	1,0	1,0	1,0	1,0
27	**Đường Trần Phú**				
-	Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Huệ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn ngã ba Nguyễn Huệ đến cầu tràn suối Bệnh viện	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
28	**Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương**	1,0	1,0	1,0	1,0
29	**Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đi đến giáp đường Nơ Trang Long** (Khu mới quy hoạch)	1,0	1,0	1,0	1,0
30	**Đường Tuệ Tĩnh**	1,0	1,0	1,0	1,0
31	**Đường Võ Trứ:** Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Lê Lợi (Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Trần Hưng Đạo đến nhà ông Chu Văn Năng)	1,1	1,0	1,0	1,0
32	**Các đoạn đường trong Khu dân cư Khu phố 3 mới QH**	1,1	1,0	1,0	1,0
33	**Các đường Khu dân cư Khu phố 8**:				
-	Đường từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Báu (tính hết đường Bê Tông)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường Bê Tông)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba quốc lộ 29 đến hết đất phân trường Tiểu học Khu phố 8	1,0	1,0	1,0	1,0
34	**Đường Khu dân cư Khu phố 7**: Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba Võ Trứ	1,1	1,0	1,0	1,0
35	**Các đoạn đường còn lại trong thị trấn**	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	**Thị trấn Củng Sơn – huyện Sơn Hoà**				
1	**Quốc lộ 19C** (ĐT 646 cũ): Đoạn từ cầu Sông Ba đến giáp ranh xã Suối Bạc	1,1	1,1	1,1	1,1
2	**Đường 24 tháng 3**				
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 19C (ĐT 646 cũ) đến đường vào bến nước Ông Đa	1,2	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường vào bến nước Ông Đa đến ranh (phía trên) Nhà thờ Tây Hòa	1,2	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ ranh giới phía tây nhà thờ Tây Hòa đến trụ sở UBND thị trấn cũ	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến ranh giới xã Suối Bạc	1,1	1,1	1,1	1,1
3	**Đường Hai Bà Trưng:** Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,1	1,1	1,1	1,1
4	**Đường Hùng Vương**				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giao đường Hồ Suối Bùn I	1,1	1,1	1,1	1,1

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5	**Đường Lê Lợi**				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường số 11	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường số 11 đến đường 24 tháng 3	1,1	1,1	1,1	1,1
6	**Đường Nguyễn Chí Thanh**				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến Trần Phú	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giao đường số 11	1,1	1,1	1,1	1,1
7	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**				
-	Đoạn từ Chân đồi Hòn Ngang đến đường số 11	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,1	1,1	1,1	1,1
8	**Đường nội bộ chợ Sơn Hòa:**Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Nguyễn Chí Thanh	1,2	1,2	1,2	1,2
9	**Đường số 11:** Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,2	1,2	1,2
10	**Đường Suối Bạc 4** *(Đường từ ngã Tư công viên (đường Trần Phú) đến hồ Suối Bùn 2 cũ)*				
-	Đoạn từ ngã Tư công viên(đường Trần Phú) đến hồ Suối Bùn 2	2,5	2,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ hồ Suối Bùn 2 đến giáp xã Suối Bạc (Chia đoạn mới)	4,0	3,0	2,5	2,0
11	**Đường Trần Hưng Đạo**				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn Ngang đến giao đường số 11	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,1	1,1	1,1	1,1
12	**Đường Trần Phú**				
-	Đoan từ bờ Sông Ba đến giao đường 24 tháng 3	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ ngã giao đường 24 tháng 3 đến mương thủy lợi nhà ông Bính	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ mương thủy lợi (nhà ông Hạnh) đến đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ giao đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới xã Suối Bạc	1,4	1,2	1,1	1,1
13	**Đường Võ Thị Sáu**				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hồ Suối Bùn I	1,1	1,1	1,1	1,1
14	**Đường ĐH 56** (*Đường 24 tháng 3, đoạn từ Suối Thá đến đường ĐT 646 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
15	**Đường ĐH53:** Đoạn giáp ranh xã Ea Chà Rang đến đường 24/3	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường quy hoạch dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 1, rộng 27m:** Đoạn từ đường 24/3 vào 500m)	1,1	1,1	1,1	1,1
17	**Đường quy hoạch dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 2:** Đoạn từ đường 24/3 vào 500m)	1,1	1,1	1,1	1,1
18	**Đường ĐS6, đoạn từ đường Suối Bạc 4 đến giáp đường 24/3 vào 500m thuộc đường quy hoạch dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở Sông Ba giai đoạn 1 rộng 27m (sau khi đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng theo quy hoạch đã duyệt)**	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	**Thị trấn La Hai - huyện Đồng Xuân**				
1	**Đường Lê Lợi**	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Đường Lê Thành Phương**	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Đường Lương Tấn Thịnh**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trường Chinh	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Đường Lương Văn Chánh**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu La Hai đến giáp Cầu ông Trung	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu ông Trung đến giáp xã Xuân Quang 3 (Đèo Ngang)	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Đường Nguyễn Du**	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Đường Nguyễn Hào Sự**	2,0	1,0	1,0	1,0
7	**Đường Nguyễn Huệ:** *(Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lương Văn Chánh (Cây dông Long Hà cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Đường Nguyễn Trãi**				
-	Đoạn từ Nhà máy nước La Hai đến giáp đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Thành Phương	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Đường Phan Lưu Thanh** *(tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Cổng trường THCS Phan Lưu Thanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cổng trường THCS Phan Lưu Thanh đến khu di tích Phan Lưu Thanh	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Đường Phan Trọng Đường**				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo (Đầu nhà ông Tỵ) đến giáp đường Trần Cao Vân	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Trần Cao Vân đến đường Trần Hưng Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Đường số 16:** Đoạn từ đường Trần Cao Vân đến đường Trần Hưng đạo (Nhà ông Lê Ngọc Liễng) *(Đường số 15 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Đường Trần Cao Vân**				
-	Đoạn từ đường Phan Trọng Đường đến tiếp giáp đường số 16 *(Đoạn từ đường Phan Trọng Đường đến nhà ông Dương cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường số 16 đến hết đường Trần Cao Vân	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Đường Trần Hưng Đạo**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Sơn Nam đến cổng chào huyện Đồng Xuân *(Từ Km12+020 (cầu Lỗ Sấu – giáp xã Xuân Sơn Nam) đến Km13+000 (cống thoát nước) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng chào huyện Đồng Xuân đến giáp Cầu La Hai *(Từ Km13+000 (cống thoát nước) đến km(14+300) cầu sắt La Hai cũ)*	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu La Hai đến tiếp giáp Đường số 16 *(Từ (Km14+300) Cầu sắt La Hai đến km16+070 Dốc Quận (Phòng Y tế) cũ)*	1,5	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Đường số 16 đến cổng văn hóa khu phố Long Bình *(Từ Km16+070 Dốc Quận (Phòng Y tế) đến cổng văn hóa khu phố Long Bình cũ)*	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoan từ cổng văn hóa khu phố Long Bình đến dốc Hố Ó (Giáp xã Xuân Long)	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Đường Trần Phú**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến đường vào bãi rác cũ *(Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến trụ km0 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào bãi rác cũ đến nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ *(Đoạn từ Km0 (đường vào bãi rác) đến nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ cũ)*	1,5	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ đến đường Võ Trứ (Trạm bảo vệ thực vật)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Trứ (Trạm bảo vệ thực vật) đến hết đường Trần Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
15	**Đường Trường Chinh**	1,0	1,0	1,0	1,0
16	**Đường Võ Thị Sáu** *(Đoạn từ nhà ông Long đến khu tập thể trường PTTH Lê Lợi và Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Bình đến nhà ông Nguyễn Duy Thanh cũ – nhập đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
17	**Đường Võ Trứ**	1,0	1,0	1,0	1,0
18	**Đường Võ Văn Dũng:**				
-	Đoạn từ Lương Văn Chánh đến đường Nguyễn Hào Sự	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hào Sự đến giáp xã Xuân Quang 3	1,0	1,0	1,0	1,0
19	**Đường Khóm 5 - Soi Họ:** Đoạn từ đường Lương Văn chánh - giáp xã Xuân Long	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 2
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
I	**Thành phố Tuy Hòa (4 xã)**				
A	**Vùng đồng bằng (4 xã)**				
1	**Xã Bình Ngọc** (Xã đồng bằng)				
1.1	**Đại lộ Nguyễn Tất Thành** (Đoạn qua địa bàn xã)	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường Hải Dương:** Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến giáp huyện Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	**Đường Trần Quang Khải:** Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Đường Mạc Thị Bưởi:** Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,0	1,0	1,0	1,0
1.5	**Đường Côn Sơn:** Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	**Đường quy hoạch 20m:** Đoạn từ đường Mạc Thị Bưởi đến đường Hải Dương	1,0			
1.7	**Đường giao thông nông thôn Ngọc Phước 2**	1,0	1,0	1,0	1,0
1.8	**Đường giao thông nông thôn Ngọc Lãng:** Đoạn từ đường phía Đông giáp đường sắt đến đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Xã Hòa Kiến** (Xã đồng bằng)				
2.1	**Quốc lộ 1** (Đoạn qua địa bàn xã)	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Xã lộ 20**				
-	Đoạn từ giáp ranh phường 9 đến cầu Minh Đức	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Minh Đức đến đầu kênh N1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh N1 đến Đá Bàn	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Các tuyến đường liên thôn tiếp giáp xã lộ 20**				
-	Đường từ Cầu Minh Đức đến Chùa Minh Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chùa Minh Sơn đến cầu Cai Tiên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Quốc lộ 1 đến chợ Xuân Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ trường trung học cũ đến cuối thôn Tường Quang	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Cầu làng Quan Quang đến Kênh N1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Bưu điện xã đến sân kho thôn Xuân Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
2.4	**Khu tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bãi rác Thọ Vức tại xã Hòa Kiến**				
-	Trục đường N1 quy hoạch rộng 9,5m (Đoạn dọc kênh N1)	1,0			
-	Trục đường quy hoạch rộng 9,5m còn lại	1,0			
-	Trục đường quy hoạch rộng 7,5m	1,0			
2.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Xã Bình Kiến** (Xã đồng bằng)				
3.1	**Quốc lộ 1** (Đoạn qua địa bàn xã)	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường Độc Lập**: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,2	1,2	1,2	1,2
3.3	**Đường Lê Duẩn:** Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,2	1,2	1,2	1,2
3.4	**Đại lộ Hùng Vương**				
-	Đoạn từ Lê Đài đến đường số 14	1,4	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ đường số 14 đến ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú	1,2	1,2	1,2	1,2
3.5	**Đại lộ Nguyễn Tất Thành:** Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
3.6	**Đường Lý Nam Đế:**				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,2			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Huyên đến đường Độc Lập	1,2			
3.7	**Đường Nơ Trang Long:** Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,2			
3.8	**Đường Lương Định Của:** Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,2			
3.9	**Đường Trần Nhân Tông:**				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,2			
-	Đoạn từ đường quy hoạch số 02 rộng 16m của Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông) đến đường Độc Lập	1,2			
3.10	**Đường Võ Trứ:** Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,2			
3.11	**Đường Mậu Thân** (Đoạn qua địa bàn xã)	1,0	1,0	1,0	1,0
3.12	**Đường Tân Trào**	1,2			
3.13	**Đường Hà Huy Tập**	1,2			
3.14	**Đường Nguyễn Văn Huyên**: Đoạn thuộc xã Bình Kiến	1,2			
3.15	**Đường đi Thượng Phú**				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến Trạm bơm Phú Vang	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Vang đến Thượng Phú	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.16	**Đường đi Bầu Cả**				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến hết khu tái định cư Bầu Cả	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết khu tái định cư Bầu Cả đến giáp xã Hòa Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
3.17	**Các trục đường dưới 12m thuộc khu tái định cư Bầu Cả**	1,0			
3.18	**Các trục đường thuộc khu dân cư phía Tây đại lộ Hùng Vương** (Đoạn từ đường An Dương Vương - N14)				
-	Trục đường rộng 10m	1,2			
-	Trục đường rộng 6m	1,2			
3.19	**Các trục đường thuộc Khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương** (Đoạn từ đường số 14 - Quốc lộ 1)				
-	Trục đường rộng 20m	1,2			
-	Trục đường rộng 16m	1,2			
-	Trục đường rộng 10m	1,2			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m	1,2			
3.20	**Đường số 14**				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Hùng Vương	1,2			
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,2			
3.21	**Các trục đường thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương**				
-	Đường Võ Trứ rộng 16m (đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên)	1,2			
-	Đường 7A rộng 16m (đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyên)	1,2			
3.22	**Đường nội bộ rộng 6m thuộc Khu đất ký hiệu số 7 thuộc Khu đất ký hiệu số 7 phía Tây đường Hùng Vương**	1,2			
3.23	**Khu dân cư phía Đông khu dân cư A1**				
-	Đường số 14 rộng 40m (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường quy hoạch N1 rộng 16m)	1,0			
-	Đường Hà Huy Tập rộng 16m (đoạn từ đường Võ Trứ đến đường số 14)	1,0			
-	Đường Võ Trứ rộng 16m (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường quy hoạch N1 rộng 16m)	1,0			
-	Đường quy hoạch N1 rộng 16m (đoạn từ đường Võ Trứ đến đường số 14)	1,0			
-	Các trục đường rộng 16m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.24	**Khu đất số 4**				
-	Đường quy hoạch rộng 16m (Đường quy hoạch số 2 rộng 16m): Đoạn từ đường N7B (đường quy hoạch rộng 16m) đến đường Lý Nam Đế	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 16m (đường N7B): Đoạn từ đường quy hoạch rộng 16m (Đường quy hoạch số 2 rộng 16m) đến đường Lê Duẩn	1,0			
4	**Xã An Phú** (Xã đồng bằng)				
4.1	**Đường Lê Duẩn**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và An Phú đến ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa đến Ngã tư đường cơ động	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	**Đại lộ Hùng Vương:** đoạn từ Ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú đến QL1	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Quốc lộ** 1 (đoạn qua địa bàn xã)				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến, An Phú đến Km 1323+200	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km1323+200 đến giáp xã An Chấn	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường cơ động ven biển**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	**Đường liên xã**				
-	Đoạn từ quốc lộ 1 đến Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng đến cầu Đồng Nai	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Đường liên thôn Xuân Dục, Chính Nghĩa**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.7	**Đường liên thôn Phú Liên**				
-	Đoạn từ ngã ba Thượng Phú đến Cầu sắt Phú Liên (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu sắt Phú Liên đến Gò Sầm (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
4.8	**Đường liên thôn Phú Lương:** Đoạn từ ngã ba Nghĩa trang Thọ Vức - Suối Gò Dầu	1,0	1,0	1,0	1,0
4.9	**Đường từ quốc lộ 1 đến ngã ba Thượng Phú, Phú Liên**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.10	**Đường khu tái định cư Gò Giữa**				
-	Trục đường rộng 13m	1,0			
-	Trục đường quy hoạch rộng 12m	1,0			
-	Trục đường quy hoạch rộng 10m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
4.11	**Đường khu TĐC xứ Đồng Phú thôn Chính Nghĩa** (Trục đường rộng 6m)	1,0			
II	**Thị xã Sông Cầu (10 xã)**				
A	**Vùng đồng bằng (9 xã)**				
1	**Xã Xuân Lộc** (xã đồng bằng)				
1.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến trụ sở UBND xã Xuân Lộc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ sở UBND xã Xuân Lộc đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường Chánh Lộc - Diêm Trường**				
-	Đoạn tiếp giáp quốc lộ 1 đi qua chợ cũ đến ngã ba đường Chánh Lộc - Diêm Trường	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1 (ngã ba Hà Dom) đến giáp đầm Cù Mông *(Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A (ngã ba Hà Dom) đến ngã 3 đường Chánh Lộc - Diêm Trường, Đoạn từ ngã 3 đường Chánh Lộc - Diêm Trường đến Trường Bùi Thị Xuân, Đoạn từ Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình - Xuân Hải, Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình - Xuân Hải đến giáp đầm Cù Mông cũ – Gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	**Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình**				
-	Đoạn tiếp giáp quốc lộ 1 đến lô số 1 QHPL khu dân cư	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp lô số 1 QHPL khu dân cư đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Đường kè đầm Cù Mông**				
-	Đoạn từ giáp Quốc lộ 1 đến giáp thửa đất nhà ở của ông Trần Đình Phố	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc của nhà ông Trần Đình Phố đến giáp xã Xuân Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
1.5	**Khu dân cư chợ Xuân Lộc**				
-	Khu D và khu E	1,0			
-	Khu F	1,0			
-	Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10	1,0			
1.6	**Khu tái định cư thôn Long Thạnh** (đường gom dân sinh quy hoạch rộng 8m)	1,0			
1.7	**Khu dân cư phía Nam đèo Cù Mông.** Đường quy hoạch rộng 8m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
1.8	**Khu dân cư phía Nam đèo Cù Mông, giai đoạn 2**				
-	Đường quy hoạch số 2	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 1)	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 2)	1,0			
1.9	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Xã Xuân Bình** (xã đồng bằng)				
2.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Lộc đến hết Trường Tiểu học xã Xuân Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Trường tiểu học xã Xuân Bình đến giáp xã Xuân Cảnh *(Đoạn còn lại cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường GTNT Xuân Bình - Xuân Hải**				
-	Đoạn từ giáp đường GTNT Chánh Lộc - Diêm Trường đến giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Đường Chánh Lộc - Diêm Trường** *(Đoạn tiếp giáp quốc lộ 1A - giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh, Đoạn từ giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh đến Trường Bùi Thị Xuân, Đoạn từ giáp Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình - Xuân Hải, Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình - Xuân Hải đến giáp Đầm Cù Mông cũ – Gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
2.4	**Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình**				
-	Đoạn tiếp giáp quốc lộ 1 đến hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giáp khu quy hoạch đến hồ Xuân Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
2.5	**Đường GTNT Bình Thạnh - Đá Giăng**				
-	Đoạn bê tông hóa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
2.6	**Đường kè đầm Cù Mông**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Lộc đến giáp cầu Xuân Bình -Xuân Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải đến giáp Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
2.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3	**Xã Xuân Hải** (xã đồng bằng)				
3.1	**Quốc lộ 1D**				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến giáp cây xăng Khổng Lang *(Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến giáp Trạm cấp nước xã Xuân Hải (giáp cây xăng Khổng Lang) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp cây xăng Khổng Lang đến giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Hải (Bưu điện văn hóa xã Xuân Hải) trừ đoạn qua KDC Xuân Hải và KDC chợ Xuân Hải *(Đoạn từ Trạm cấp nước xã Xuân Hải (giáp cây xăng Khổng Lang) đến giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Hải (Bưu điện văn hóa xã Xuân Hải) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Hải (Bưu điện văn hóa xã Xuân Hải) đến giáp xã Xuân Hòa *(Đoạn còn lại cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường bê tông GTNT xã Xuân Hải:** Đoạn từ thôn 1 đến giáp thôn 5 (từ nhà ông Trần Quí Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đê)	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	**Đường GTNT Xuân Hải - Xuân Bình:** Đoạn từ giáp QL 1D đến giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	**Đường kè đầm Cù Mông:** Đoạn từ giáp xã Xuân Hòa đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	**Khu dân cư Xuân Hải** (Giai đoạn 1)				
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 10m	1,0			
3.6	**Khu dân cư Chợ Xuân Hải**				
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 10m	1,0			
3.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Xuân Cảnh** (xã đồng bằng)				
4.1	**Quốc lộ 1D**				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Hải đến giáp UBND xã Xuân Hòa (phía Bắc) *(đoạn còn lại cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã Xuân Hòa (phía Bắc) đến giáp cầu Bình Phú *(Đoạn từ UBND xã Xuân Hòa đến giáp đầu cầu Bình Phú cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
4.2	**Đường GTNT Hòa Phú - Hòa An**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến trường tiểu học và trung học cơ sở Cù Chính Lan	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường tiểu học và trung học cơ sở Cù Chính Lan đến ngã ba đường ra biển Hòa An	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường ra biển Hòa An đến hết đoạn đã đầu tư hạ tầng	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Đường kè đầm Cù Mông**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường giao thông nông thôn**, đoạn từ đường GTNT Hòa Phú-Hòa An, xã Xuân Hòa đến đường GTNT Hòa Mỹ - Hòa Hội - Hòa Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	**Khu dân cư Nam Hòa Phú - Hòa An**				
-	Khu A, đường rộng 10m	1,0			
-	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)	1,0			
-	Đường rộng 10m thuộc khu B từ lô số 31 đến lô số 47, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã	1,0			
-	Đường rộng 10m còn lại (khu B)	1,0			
4.6	**KDC Bắc Hòa Phú:** Đường rộng 3,5m	1,0			
4.7	**Công trình Khép kín KDC Chợ Hòa An:** Đường rộng 3,5m	1,0			
4.8	**Quốc lộ 1:** Đoạn từ giáp xã Xuân Bình đến giáp xã Xuân Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
4.9	**Đường GTNT Hòa Mỹ - Hòa Hội - Hòa Lợi**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.10	**Khu tái định cư quốc lộ 1, đồng ông Nhó, xã Xuân Cảnh.** Đường rộng 10m	1,0			
4.11	**KDC thôn Hòa Lợi** (Công trình khép kín)				
-	Đường rộng 6m	1,0			
-	Đường rộng 8m	1,0			
4.12	**KDC thôn Hòa Thạnh** (Công trình khép kín), đường rộng 12m	1,0			
4.13	**Điểm dân cư Bãi Chỏ, thôn Hòa Lợi**				
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
4.14	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
5	**Xã Xuân Thịnh** (xã đồng bằng)				
5.1	**Quốc lộ 1:** Đoạn từ giáp xã Xuân Cảnh đến giáp xã Xuân Phương (*Đoạn từ giáp xã Xuân Thịnh đến giáp ranh xã Xuân Phương cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	**Đường GTNT Hòa Hiệp:** Đoạn từ Quốc lộ 1 (Nhà Ông Nguyễn Văn Phú) đến giao đường GTNT Hòa Hiệp – Từ Nham.	1,0	1,0	1,0	1,0
5.3	**Đường GTNT Hòa Hiệp - Từ Nham**				
-	Đoạn từ quốc lộ 1 đến nhà ông Thơ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thơ đến cuối thôn Từ Nham	1,0	1,0	1,0	1,0
5.4	**Đường GTNT Phú Dương - Vịnh Hòa:** Đoạn từ ngã ba Phú Dương đến cuối thôn Vịnh Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
5.5	**Đường từ ngã ba Hòa Lạc đến ngã ba đường GTNT Phú Dương – Vịnh Hòa** *(Đường từ đèo ông Két đến chợ trung tâm xã Xuân Thịnh cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
5.6	**Khu dân cư Từ Nham** (Giai đoạn 1)				
-	Khu L1 và L3: Trục đường Liên thôn Vũng Chào - Từ Nham	1,0			
-	Khu L2 và L4: Trục đường rộng 10 mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,0			
5.7	**Khu tái định cư quốc lộ 1, thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh.** Đường rộng 10m	1,0			
5.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã.**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Xã Xuân Phương** *(xã đồng bằng)*				
6.1	**Quốc lộ 1:** Đoạn từ giáp xã Xuân Thịnh đến giáp Phường Xuân Yên	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	**Đường GTNT Trung Trinh - Vũng La**	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	**Khu dân cư Phú Mỹ**				
-	Đường Trung Trinh - Vũng La	1,0			
-	Đường rộng 6m	1,0			
-	Đường rộng 4,5m	1,0			
6.4	**Đường Lệ Uyên - Bình Thạnh**	1,0			
6.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
7	**Xã Xuân Thọ 1** (xã đồng bằng)				
7.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giao đường Phạm Văn Đồng đến giáp Bắc cầu Huyện *(Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 đến giáp Bắc cầu Huyện cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trạng) *(Đoạn từ Nam cầu Huyện đến giáp Bắc chân dốc Quýt cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trạng) đến giáp ranh xã Xuân Thọ 2 *(Đoạn từ phía Bắc chân dốc Quýt đến giáp phía Nam chân dốc Quýt cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	**Đường Phạm Văn Đồng** *(Quốc lộ 1, Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 cũ)*				
-	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến nhà ông Trịnh Minh Hoài	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trịnh Minh hoài đến giáp Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	**Khu tái định cư quốc lộ 1, Chánh Nam - Nhiêu Hậu, xã Xuân Thọ 1**				
-	Đường N2	1,0			
-	Đường N1	1,0			
-	Đường N3, N4, N5, N6	1,0			
7.4	**Đường từ Quốc lộ 1 vào KDC thôn Phương Lưu, đoạn qua khu dân cư**	1,0			
7.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Xã Xuân Thọ 2** (xã đồng bằng)				
8.1	**Quốc lộ 1:** Đoạn qua địa bàn xã Xuân Thọ 1 đến giáp ngã ba Triều Sơn (***Quốc lộ 1:*** *Đoạn từ cột mốc ranh giới Xuân Thọ 1 đến giáp ngã ba Triều Sơn cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
8.2	**Đường ĐT 642**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp cầu suối Đá	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Đá đến giáp cầu suối tre	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối tre đến giáp huyện Đồng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
B	**Vùng miền núi (01 xã)**				
9	**Xã Xuân Lâm** (xã miền núi)				
9.1	**Đường Phạm Văn Đồng:** Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	**Đường GTNT Cao Phong**	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	**Đường GTNT Long Phước**	1,0	1,0	1,0	1,0
9.4	**Đường giao thông đến Trung tâm xã:** Đoạn từ giáp Nam cầu Tam Giang mới đến giáp suối Hàn	1,0	1,0	1,0	1,0
9.5	**Đường ĐT 644**				
-	Đoạn từ giáp phường Xuân Phú đến Bãi tràn thôn Bình Nông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bãi tràn thôn Bình Nông đến giáp ranh huyện Đồng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
9.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**				
A	**Vùng đồng bằng (11 xã)**				
1	**Xã An Chấn** (xã đồng bằng)				
1.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn giáp ranh xã An Phú đến đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế đến giáp ranh xã An Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường cơ động ven biển**				
-	Đoạn từ cầu Đồng Nai đến đường bê tông thôn Phú Quý	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông thôn Phú Quý đến giáp ranh xã An Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	**Đường xã lộ**				
-	Đoạn từ đường sắt đến ngã ba (Nhà bà Hợp)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (Nhà bà Hợp) đến Biển	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Các đường liên thôn**				
-	Đường bê tông xi măng (từ HTX NN) đến giáp đường cơ động	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ khe nước bầu Đồng Nai đến cổng khu du lịch Bãi Xép	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông hợp tác xã (nhà ông Cảnh) đến đường đi Núi Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
1.5	**Các đường thôn**				
-	Đường từ Quốc lộ 1 đi mỏ đá Phú Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đi Mỏ đá Phú Thạnh đến hết đường bêtông (Ấp Lý)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường cơ động đến hết đường bêtông thôn Phú Phong	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	**Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn**				
-	Tiếp giáp Quốc lộ 1	1,0			
-	Tiếp giáp đường nội bộ	1,0			
1.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Xã An Mỹ** (xã đồng bằng)				
2.1	**Quốc lộ 1**: Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp ranh xã An Hòa *(Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp đường vào trường Lê Thành Phương cũ và đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp đường vào trường Lê Thành Phương cũ – Gộp đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường ĐT 643**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến hết Nhà máy ô tô JRD	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Nhà máy ô tô JRD đến ngã tư chỉnh tuyến	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chỉnh tuyến - cầu sắt đến giáp ranh xã An Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chỉnh tuyến đến giáp ranh xã An Thọ (đường cứu hộ - cứu nạn)	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Đường cơ động ven biển:** Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp ranh xã An Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.4	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ Quốc lộ 1 đến đường cơ động				
+	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến trạm y tế xã	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ trạm y tế xã đến đường cơ động	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ cũ đến Cầu Hầm và từ Chợ cũ đến Núi Một	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ mới đi qua trường Nguyễn Thái Bình đến cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà hát nhân dân cũ đến ngã ba cuối Xóm 4 thôn Phú Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba xóm 4 Phú Long đến ngã ba nhà ông Lê Thắng giáp sân vận động	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà ông Nguyễn Dương Hiền đến nhà ông Nguyễn Thơ	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ giáp Quốc lộ 1 đến cuối xóm 6 thôn Phú long	1,0	1,0	1,0	1,0
2.5	**Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ**	1,0			
2.6	**Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn - An Hòa**	1,0	1,0	1,0	1,0
2.7	**Đường từ ngã ba Giai Sơn đến đường sắt Phú Hòa** *(Đường từ ngã ba Giai Sơn đến trường tiểu học Số 2 cũ + Khu vực 1 cũ)*				
-	Đoạn từ ngã ba Giai Sơn đến trường tiểu học Số 2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường tiểu học số 2 đến giáp đường sắt thôn Phú hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.8	**Khu vực xung quanh sân vận động**	1,0			
2.9	**Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm mới thôn Hòa Đa**	1,0	1,0	1,0	1,0
2.10	**Khu dân cư Thị Tứ**				
-	Đường quy hoạch rộng 30m	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 16m	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 12,5m	1,0			
2.11	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Xã An Hòa Hải** (xã đồng bằng)				
3.1	**Quốc lộ 1:**				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc cầu Chùa Hang	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Chùa Hang đến giáp ranh xã An Hiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường ĐT 649**				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía bắc chợ Diêm Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía bắc chợ Diêm Hội đến ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (Nhà ông Huỳnh Kim Thanh)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (Nhà ông Huỳnh Kim Thanh) đến Trường Mầm non An Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường Mầm non An Hải đến phía nam cầu An Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	**Đường từ ngã ba Phú Điềm đi Hội Sơn**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Suối Ré	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Ré đến giáp đường cơ động	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường cơ động đến Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội *(Đoạn từ đường cơ động đến bến xe Nhơn Hội cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội *(Đoạn từ bến xe Nhơn Hội đến cổng chào thôn Hội Sơn (Giáp An Mỹ) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	**Từ đường ĐT649 đến chợ thôn Xuân Hoà**	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ ngã ba Công viên (chợ Yến cũ) đến Nhà tiền Hiền thôn Phú Thường				
+	Đoạn từ ngã ba Chợ Yến đến cổng chào thôn Phú Thường	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cổng chào Thôn Phú Thường đến Nhà tiền Hiền thôn Phú Thường *(Đoạn từ cổng chào Thôn Phú Thường đến Hội trường thôn Phú Thường cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội đến cuối đường thôn Diêm Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã 3 cổng chùa Linh Sơn đến giáp ranh giới xã An Hiệp *(thuộc 1 phần Đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến Thôn Tân Hòa cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã 3 đường ngăn mặn An Hòa – An Hiệp đến hết thôn Tân Hòa *(thuộc 1 phần còn lại của Đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến Thôn Tân Hòa cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba thôn Nhơn Hội đến Lăng Ông thôn Nhơn Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp ngã 3 Tân Quy (nhà ông Phạm Xuân Kính) đi Phước Đồng (đường nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ngã ba thôn Đồng Môn đến khu dân cư thôn Phước Đồng (Giáp đường Tân Quy đi Phước Đồng) *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp ngã ba đường Tân Quy đi Phước Đồng đến nhà ông Lành thôn Xuân Hòa. *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Khu dân cư Tân Quy phía bắc trụ sở UBND xã An Hải cũ (khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp khu TĐC Phước Đồng đến cổng chào Phước Đồng đi Xóm Cát. *(Khu vực 2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
3.6	**Khu dân cư Nhơn Hội** *(Khu dân cư Tân An cũ)*				
-	Đường rộng > 16m	1,0			
-	Đường rộng 10m	1,0			
-	Đường rộng 9m	1,0			
-	Đường rộng 7,5m	1,0			
-	Đường rộng 6m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.7	**Khu dân cư Nhơn Hội** (giai đoạn 2) *(Khu dân cư Tân An (giai đoạn 2) cũ)*				
-	Đường số 1 (rộng 10,5m)	1,0			
-	Đường số 2, 7, 8 (rộng 11m)	1,0			
-	Đường số 3 (Đoạn rộng 5,75m)	1,0			
-	Đường số 3 (Đoạn rộng 8,5m)	1,0			
-	Đường số 3 (Đoạn rộng 11,6m)	1,0			
-	Đường số 4 (rộng 18m)	1,0			
-	Đường D3 (rộng 10,5m)	1,0			
3.8	**Khu tái định cư Đồng Gia Điền**				
-	Đường số 3 rộng 9m	1,0			
-	Đường số 2 rộng 12m	1,0			
-	Đường số 1 rộng 12m	1,0			
3.9	**Khu dân cư Tân Định**				
-	Đường số 1 và số 2 rộng 6m	1,0			
-	Đường số 3 rộng 4m	1,0			
3.10	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã An Hiệp** (xã đồng bằng)				
4.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hoà đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Cư	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	**Quốc lộ 1 đi Phước Hậu**				
-	Đoạn giáp QL 1 đến cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Cây Gạo đến ngã ba Đá Bàn thôn Phước Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Đường từ An Hiệp đi An Lĩnh**				
-	Đoạn từ QL 1 đến hết phân trường TH Tuy Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phân trường TH Tuy Dương đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường xung quanh chợ Phiên Thứ mới**	1,0			
4.5	**Đường từ Quốc lộ 1 đi Đầm Ô Loan**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu đường sắt	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu đường sắt đến giáp ranh xã An Cư	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Tái định cư Đồng Cây Gạo**				
-	Đường số 1	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường số 2	1,0			
-	Đường số 3, 6	1,0			
-	Đường số 4, 5	1,0			
4.7	**Tái định cư đồng Cây Dông**	1,0			
4.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4.9	**Khu tái định cư xã An Hiệp**				
	Đường N1, Đường D1, Đường N2, Đường D2, Đường N3	1,0			
5	**Xã An Cư** (xã đồng bằng)				
5.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hiệp đến cống qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức) đến đỉnh dốc Chùa	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh Dốc Chùa đến giáp thôn Phước Lương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Phước Lương đến đường đi Đồng Cháy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đi Đồng Cháy đến giáp ranh thị trấn Chí Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	**Đường từ Quốc lộ 1 đến cổng Cụm công nghiệp Tam Giang**	1,0	1,0	1,0	1,0
5.3	**Đường liên xã**				
-	Đường từ ngã 3 đường liên xã (nhà bà Ngọt) đến đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Long Phú đến ngã ba đường đi xóm Đá	1,0	1,0	1,0	1,0
5.4	**Cụm công nghiệp Tam Giang**				
-	Đường rộng 16m. *(Đường rộng 15m cũ)*	1,0			
-	Đường rộng 14m	1,0			
-	Khu dịch vụ tiếp giáp Quốc lộ 1	1,0			
5.5	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ Quốc lộ 1 đến ngã ba Xóm Chuối				
+	Đoạn từ QL1 đến ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt)	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt) đến trường Môm cũ (nhà ông Lực)	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ trường Môm cũ (nhà ông Lực) đến ngã ba Xóm Chuối	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ Quốc lộ 1 đến nhà thờ Đồng Cháy				
+	Đoạn từ QL1 (Phước Lương) đến Đường sắt	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Đường sắt đến nhà thờ Đồng Cháy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cổng thôn Tân Long đến giáp đường ven đầm				
+	Đoạn từ cổng thôn Tân Long đến cống ông Thượng	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cống ông Thượng đến cống (nhà ông Nghi)	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cống (nhà ông Nghi) đến giáp đường ven đầm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cổng thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông				
+	Đoạn từ cổng thôn Tân Long - Xóm Đá đến chùa Phước Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ chùa Phước Đồng đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Thàng				
+	Đoạn từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Suông	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Suông đến ngã ba nhà ông Thàng	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Thàng đến giáp ranh xã An Hiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường xung quanh xóm gõ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ trường tiểu học đến Gò Giam	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Phú Tân đến hết khu dân cư Hòa Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã tư đến trường mẫu giáo Đội 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú	1,0	1,0	1,0	1,0
5.6	**Khu quy hoạch dân cư thôn Phú Tân**				
-	Đường rộng 10m	1,0			
-	Đường rộng 8m	1,0			
-	Đường rộng 6m	1,0			
5.7	**Khu tái định cư thôn Phú Tân:** Đường rộng 9m (giáp Quốc lộ 1)	1,0			
5.8	**Khu tái định cư Gò Điều**				
-	Đường số 4	1,0			
-	Đường số 1	1,0			
-	Đường số 2, 3	1,0			
-	Đường số 5	1,0			
5.9	**Khu dân cư Hòa Thạnh**				
-	Đường số 1, rộng 12m	1,0			
-	Đường số 2, 5 rộng 12m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường số 3 rộng 9m	1,0			
-	Đường số 4 rộng 7,5m	1,0			
-	Đường số 6 rộng 7,5m	1,0			
5.10	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Xã An Dân** (xã đồng bằng)				
6.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Ngân Sơn đến Nam cầu Nhân Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bắc cầu Nhân Mỹ đến phía Bắc đường vào cổng thôn Bình Chính	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường vào cổng thôn Bình Chính đến giáp ranh TX Sông Cầu	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	**Khu tái định cư thôn Cần Lương**				
-	Đường số 1	1,0			
-	Đường số 2, 3	1,0			
-	Đường số 4	1,0			
6.3	**Khu tái định cư Đồng Đèo, thôn Cần Lương**				
-	Đường số 1	1,0			
-	Đường số 1A	1,0			
-	Đường số 2 và số 6	1,0			
-	Đường số 3	1,0			
-	Đường số 4, 5 và 7	1,0			
6.4	**Khu tái định cư đồng Cây Khế, thôn Bình Chính**				
-	Đường số 4	1,0			
-	Đường số 2 và số 5	1,0			
-	Đường số 1 và số 3	1,0			
6.5	**Đường xã lộ**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 (Phú Mỹ) đến ngã ba Cây Da	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Cây Da đến cầu An Thổ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu An Thổ đến Trường Tiểu học số 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6.6	**Các đường liên thôn**				
-	Đoạn từ cổng chào thôn Long Uyên đến trụ sở thôn Long Uyên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Thanh Long đến cổng chào Mỹ Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
6.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Xã An Thạch** (xã đồng bằng)				
7.1	**Đường QL 1 - Gành Đá Đĩa.** Đoạn từ cầu Lò Gốm đến cống Sơn Chà (giáp An Ninh Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	**Đường ngã 3 Bà Ná đến đèo Đăng:**				
-	Đoạn từ ngã ba Bà Ná đến cổng văn hoá thôn Phú Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng thôn Phú Thịnh đến Đèo Đăng	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	**Đường từ cầu Lò Gốm đến hết đường bê tông thôn Hà Yến**				
-	Đoạn từ Cầu Lò Gốm đến bờ đê thôn Quảng Đức	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ bờ đê thôn Quảng Đức đến cuối đường bê tông thôn Hà Yến	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường bê tông thôn Hà Yến đến Đèo Đăng. *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ bề đê thôn Quảng Đức đến đập ông Tấn. *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	**Khu dân cư Đèo Đăng** (sau khi đã đầu tư hạ tầng): Các trục đường trong khu dân cư	1,0			
7.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Xã An Ninh Tây** (xã đồng bằng)				
8.1	**Đường Quốc lộ 1 - Gành Đá Đĩa**				
-	Đoạn từ cống Sơn Chà đến ngã ba đi Hội Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi Hội Phú đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
8.2	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ chợ Thuỷ đến ngã ba Xóm Giả	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Thuỷ đến ngã ba cuối thôn Tiên Châu - Bình Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ dốc Bà Trơn đến cảng cá thôn Tiên Châu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Đội thuế đến tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cây xăng HTXNN đến cửa Bà Chỉ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến cổng thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Xóm Giã đến Bến Cá cũ thôn Tiên Châu	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến dốc Miếu Bình Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Bà Thưng đến bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Cảng cá Tiên Châu đi cầu gỗ Bình Thạnh (Đường nội bộ vùng nuôi tôm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng trường tiểu học số 1 đến nhà ông Chút, Xuân Phu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Cương đến nhà bà Cúc, Xuân Phu (khu vực chợ Giã)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba cầu Lẫm đến nhà ông Mỹ, Hội Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba trạm xá đến trường TH số 2, Tiên Châu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ bưu điện đến nhà ông Tâm, Xuân Phu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba sân kho cây khế đến nhà ông Đường (Đội 3)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà trẻ Hội Phú đến đường liên xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên xã đến khu tái định cư (đội 17 – Diêm Điền)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông Hội Phú (Cây Gòn) đến cầu gỗ Bình Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Trường cấp 2,3 Võ Thị Sáu đến nhà bà Phú (Giáp ranh xã An Thạch). (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cửa bà Chỉ đến nhà ông Trần Ngọc Liên. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoan từ Chùa Hưng Thiện đến khu chăn nuôi tập trung. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Mai đến nhà ông Dương. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nhựt đến giáp đường cây gòn Cầu gỗ. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Tôn Tấn Hào đến giáp đường cây gòn Cầu gỗ. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba nhà ông Bằng đến ngã ba nhà bà Hồng. (Khu vực 1 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	**Khu dân cư Đồng Thủy - Tiên Châu**				
-	Đường số 1 rộng 16m	1,0			
-	Đường số 2, 4 rộng 10m	1,0			
-	Đường số 3 rộng 10m	1,0			
8.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
9	**Xã An Ninh Đông** (xã đồng bằng)				
9.1	**Đường Quốc lộ 1 - Gành Đá Đĩa**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Ninh Tây đến ngã 3 đường đi đèo biển	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 đường đi đèo biển đến giáp thôn Phú Hạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp thôn Phú Hạnh đến Gành Đá Đĩa	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	**Đường phía Bắc Cầu An Hải.** Đoạn từ ngã ba đi Gành Đá Đĩa (trường Ngô Mây) đến Bắc cầu An Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ cổng bộ 6 đến cuối Bãi Bàng				
+	Đoạn từ ngã ba cổng bộ 6 đến đỉnh dốc Đá Đen thôn 5	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ đỉnh dốc Đá Đen đến nhà ông Hiển *(Đoạn từ đỉnh dốc Đá Đen đến giáp cuối xóm 9 thôn 6 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đường từ nhà ông Hiển đến cuối xóm 9 thôn 6 *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đường từ ngã ba đường ĐT 649 đến nhà bà Kê Thôn 5 *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đường từ ngã ba đường ĐH 31 (Thôn 6) đến khu tái định cư An Vũ *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Hương (thôn 5)	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến nhà ông Biện Minh Hùng thôn 5	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bích đến trạm y tế xã *(Đoạn từ nhà ông Bích đến nhà ông Lẹ thôn 5 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến nhà ông Lợi thôn 7 *(Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến đỉnh đèo thôn 7 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã 3 nhà bà Lượng nhà ông Khoáng thôn 5 *(Đoạn từ ngã 3 nhà bà Lượng đến nhà ông Nhựt thôn 5 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Cảnh đến nhà Nhiều thôn 6 *(Đoạn từ ngã 3 nhà ông Cảnh đến nhà ông Hiệp thôn 6 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cổng chào thôn số 2 đến nhà ông Dần thôn 6	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cổng chào số 2 thôn 6 đến cuối Bãi Bàng	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7				
+	Đoạn từ ngã ba đường 773 thôn 7 đến giáp Miễu thôn 7	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ miếu thôn 7 đến cuối đường thôn 7	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ miễu thôn 7 đến Khu tái định cư Lễ Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba xóm Cát Đường 773 đến nhà ông Lê Hẳn thôn 7	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã 3 Mả Đạo đến bến đò thôn 8				
+	Đoạn từ ngã 3 Mả Đạo đến Cầu Am	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Cầu Am đến bến đò thôn 8	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ HTXNN Nam An Ninh đến giáp An Cư	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ giáp đường ĐH31đến Chù Thiên Hải *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà ông Hớn thôn Phú Hạnh đến chợ cây bàng thôn Phú Lương *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường 773 đến nhà ông Thạch Thôn 8 *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
9.4	**Khu dân cư An Vũ:** Các đường trong khu dân cư	1,0			
9.5	**Khu dân cư Lễ Thịnh:** Các đường trong khu dân cư	1,0			
9.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Xã An Định** (xã đồng bằng)				
10.1	**Đường ĐT 641**				
-	Đoạn từ đỉnh Đèo Thị đến cống chân Đèo Thị (Nhà Ông Tiện)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống chân Đèo Thị đến hết cổng văn hóa Thôn Phong Hậu *(Đoạn từ cống chân Đèo Thị đến ranh giới huyện Đồng Xuân – chia lại đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn hết cổng văn hóa Thôn Phong Hậu đến ranh giới huyện Đồng Xuân *(Đoạn từ cống chân Đèo Thị đến ranh giới huyện Đồng Xuân – chia lại đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	**Đường ĐT 650:** Đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
10.3	**Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh:** Từ đường sắt đến cầu Bà Chưa	1,0	1,0	1,0	1,0
10.4	**Đường liên thôn:** Đường ĐT 641 (thôn Phong Hậu) đến ngã ba đi Long Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
10.5	**Đường ĐH 38** *(Các đường liên thôn cũ)*				
-	Đường từ đường ĐT 641 đến khu dân cư (trường tiểu học cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường giáp Thị trấn chí thạnh (cầu Ngân Sơn) đi đến trường tiểu học cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
10.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10.7	**Khu tái định cư xã An Định**				
-	Đường N1, Đường N2, Đường D1, Đường D2, Đường D3	1,0			
11	**Xã An Nghiệp** (xã đồng bằng)				
11.1	**Đường ĐT.650**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Định đến tràng (cũ) vùng 9 An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràng (cũ) vùng 9 An Nghiệp đến cầu Ông Tài	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Tài đến giáp ranh xã An Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
11.2	**Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh**				
-	Đoạn từ giáp xã An Định đến cống Cây Dông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống Cây Dông đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
11.3	**Đường ĐH 37** *(Đường liên thôn xóm: Đoạn từ ngã ba phân trường tiểu học Định Phong đến sân kho vùng 4, thôn Định Phong cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ ĐT 650 đến vùng 3 An Nghiệp				
+	Đoạn từ ĐT 650 đến cống Lập Lăng	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cống Lập Lăng đến ngã ba vùng 3 An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT 650 (ngã ba vùng 10) đến Hồ Đồng Tròn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cầu hồ Đồng Tròn đến đập Thế Hiên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường đi vùng 12, vùng 13				
+	Đoạn từ đường ĐT 650 đến ngã ba nhà ông Tăng Ngọc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 13	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 12	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT 650 đến Hóc Bò				
+	Đoạn từ ĐT650 đến cống vôi vùng 9	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
+	Đoạn từ cống vôi vùng 9 đến bờ Cao nhà ông Chương	1,0	1,0	1,0	1,0
11.5	**Đường liên thôn, xóm**				
-	Đoạn từ cống Cây Dông đến khu dân cư Trảng Đế	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư Trảng Đế đến cuối xóm Hóc Lá, vùng 2A, thôn Định Phong	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã bản tin thôn Thế Hiên đến Đập Thế Hiên	1,0	1,0	1,0	1,0
11.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
B	**Xã miền núi (3 xã)**				
12	**Xã An Thọ** (xã miền núi)				
12.1	**Đường ĐT 643**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Mỹ đến cuối xóm Đất Cày thôn Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối thôn Tân Lập đến giáp Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
12.2	**Các đường xã lộ**				
-	Đường từ dốc Súc thôn Phú Cần đến đầu dốc Lầy thôn Phú Cần	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chòm Bắc thôn Phú Cần đến cầu Lỗ Găng thôn Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Trăng Hòn Gió đến cuối thôn Lam Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
12.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Xã An Xuân** (xã miền núi)				
13.1	**Đường ĐT 650**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến đầu thôn Xuân Yên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ thôn Xuân Yên đến đường vào UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào UBND xã đến Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
13.2	**Các đường liên thôn:**				
-	Đường từ ĐT 650 đến cuối thôn Xuân Trung:				
+	Đoạn giáp đường ĐT 650 (từ UBND xã) đến đầu thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Xuân Trung đến cuối thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà văn hóa thôn Xuân Hòa đến nhà ông Ninh	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
13.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
14	**Xã An Lĩnh** (xã miền núi)				
14.1	**Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh:** Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến UBND xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
14.2	**Đường liên xã:** Đoạn từ đầu chợ Phong Thái đi Giếng Dông - An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0
14.3	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ cổng thôn Phong Lãnh đến dốc Chùa thôn Phong Lãnh (giáp Long Đức Chí Thạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu thôn Phong Thái đến cuối thôn Quang Thuận	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Hòn Dung thôn Thái Long đến xóm Giồng sắt thôn Vĩnh Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu xóm Gò đến cuối xóm Tiếng thôn Tư Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
14.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**				
A	**Vùng đồng bằng (07 xã)**				
1	**Xã Hòa An** (Xã đồng bằng)				
1.1	**Quốc lộ 1:** Đoạn đi qua địa bàn xã Hòa An	1,0			
1.2	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới thành phố Tuy Hòa đến phía Đông Dự án An Hưng *(thuộc phía Nam Quốc lộ 25),* đến nhà ông Quý *(thuộc phía Bắc Quốc lộ 25)*	1,0	1,0	1,0	1,0
	Đoạn từ phía Đông Dự án An Hưng *(thuộc phía Nam Quốc lộ 25)*, phía Tây nhà ông Quý *(thuộc phía Bắc Quốc lộ 25)* đến Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
	Đoạn từ quốc lộ 1 đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	**Đường ĐH 21** *(Xã lộ 21 cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Đường ĐH 22** *(Xã lộ 22 cũ):* Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc - Hòa An đến ranh giới xã Hòa Trị	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
1.5	**Đường ĐH 23** *(Tỉnh lộ 7 cũ)*: Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL 25	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	**Đường ĐH 27** *(Đường liên xã Hòa An - Hòa Thắng - Thị trấn Phú Hòa cũ)*				
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến Quốc lộ 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.7	**Đường liên thôn Phú Ân - Vĩnh Phú**	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ câu ông Nhân đến Đường ĐH 27	1,0	1,0	1,0	1,0
1.8	**Đường từ Quốc lộ 25 (cầu số 4) đến ranh giới xã Hòa Trị**	1,0	1,0	1,0	1,0
1.9	**Đường D2 quy hoạch rộng 20m**: Đoạn từ đường ĐH 27 đến giáp nhà ông Lý Thành Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
1.10	**Đường Kè dọc Sông Ba:** Đoạn đã đầu tư hạ tầng	1,0			
1.11	**Khu dân cư phía Nam trường THCS Hòa An** - các đường nội bộ trong Khu dân cư	1,0			
1.12	**Dự án: Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (Khu A)**				
-	Đường DT2 quy hoạch (rộng 42m)	1,0			
-	Đường DT1 quy hoạch (rộng 36m)	1,0			
-	Đường DT4, DT6 quy hoạch (rộng 30m)	1,0			
-	Đường BN6, BN12 quy hoạch (rộng 25m)	1,0			
-	Đường BN2, BN3, BN5, BN7, BN8 quy hoạch (rộng 20m)	1,0			
-	Đường BN4, BN14, DT3, DT5, DT7 quy hoạch (rộng 16m)	1,0			
1.13	**Khu tái định cư xã Hòa An phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 25** ***(sau khi đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng)***				
-	Đường quy hoạch (rộng 20m)	1,0			
-	Đường quy hoạch (rộng 16m)	1,0			
-	Đường N1, N2, D1 quy hoạch (rộng 12m)	1,0			
1.14	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
1.15	**Dự án: Khép kín khu dân cư xã Hoà An (đối diện cây xăng ân niên)**				
-	Đường D1; D2; N1; N2; N3; N4; N5 rộng 11,5m	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
2	**Xã Hòa Thắng** (Xã đồng bằng)				
2.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ giáp ranh giới xã Hòa An đến trụ Km8	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km8 đến trụ Km9	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km 9 đến giáp ranh giới Thị trấn Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường ĐH 21** *(Xã lộ 21 cũ):* Đoạn từ ranh giới Hòa An đến Quốc lộ 25	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Đường ĐH 24** *(Đường liên xã Hoà Thắng - Hòa Trị cũ):* Đoạn từ Cầu Đông Lộc đến ranh giới xã Hoà Trị	1,0	1,0	1,0	1,0
2.4	**Đường ĐH 25** *(Xã lộ 25 cũ):* Đoạn từ đường ĐH 27 đến ranh giới xã Hòa Định Đông	1,2	1,0	1,0	1,0
2.5	**Đường ĐH 27** *(Đường liên xã Hòa An - Hòa Thắng - Thị trấn Phú Hòa cũ):* Đoạn từ ranh giới Hòa An - Hòa Thắng đến ranh giới Hòa Thắng - thị trấn Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.6	**Đường ĐH 28:** Đoạn từ Quốc lộ 25 đến giáp xã Hòa Định Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2.7	**Đường Kè dọc Sông Ba:** Đoạn đã đầu tư hạ tầng	1,0			
2.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2.9	**Dự án: Khép kín khu cư phía nam ngã tư QL25 - ĐH25 thôn Phong Niên**				
-	Đường N1; N2; N3; D1 rộng 11,5m	1,0			
3	**Xã Hòa Định Đông** (Xã đồng bằng)				
3.1	**Đường ĐH 25** *(Xã lộ 25 cũ):* Đoạn từ ranh giới xã Hoà Thắng đến ranh giới xã Hoà Quang Nam	1,2	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường ĐH 25 đến UBND xã**	1,2	1,0	1,0	1,0
3.3	**Đường ĐH 28:** Đoạn từ ranh giới xã Hòa Thắng đến giáp xã Hòa Quang Nam	1,2	1,0	1,0	1,0
3.4	**Đường ĐH 29:** Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Hòa đến giáp xã Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	**Đường ô tô đến trung tâm xã Hoà Định Đông**				
-	Đoạn từ kênh N1 đến cầu ông Chủng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Chủng đến Chùa An Thành	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng Văn hóa Định Thành đến Chợ Lò Tre	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chợ Lò Tre đến cầu Dư Trường	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chợ Lò Tre đến nhà ông Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.6	**Đường liên xã Hòa Quang Nam - Hòa Quang Bắc - Hòa Định Đông**: Đoạn từ ranh giới Hòa Quang Nam đến thôn Định Thái	1,2	1,0	1,0	1,0
3.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Hòa Định Tây** (Xã đồng bằng)				
4.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Hòa đến trụ Km22	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km22 đến ranh giới xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	**Đường liên thôn Cẩm Thạch - Phú Sen**	1,2	1,0	1,0	1,0
4.3	**Đường bờ vùng hàng dừa**	1,2	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường từ cầu UBND xã đến Đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen**	1,2	1,0	1,0	1,0
4.5	**Đường bờ vùng sân kho 3 từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Đường bờ vùng suối bà Lượng từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xã Hòa Trị** (Xã đồng bằng)				
5.1	**Quốc lộ 1:** Đoạn qua địa bàn xã Hòa Trị	1,0			
5.2	**Đường ĐH 22** *(Xã lộ 22 cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa An đến cầu chui thôn Phước Khánh	1,4	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ cầu chui thôn Phước Khánh đến UBND xã Hòa Trị	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã Hòa Trị đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,2	1,2	1,0	1,0
5.3	**Đường ĐH 24** (*Đường liên xã Hòa Thắng - Hòa Trị cũ)*: Đoạn từ đường ĐH 22 đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,4	1,2	1,0	1,0
5.4	**Đường ĐH 26** (*Đường liên xã Hòa Trị - Hòa Kiến cũ)*				
-	Đoạn từ đường ĐH 22 đến dọc Kênh N1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dọc Kênh N1 (ranh giới xã Hòa Quang Bắc) đến giáp xã Hòa Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
5.5	**Đường ĐH 28:** Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Quang Nam giáp đường ĐH 26 *(Đường liên xã Hòa Trị - Hòa Kiến cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
5.6	**Đường ĐH 29:** Đoạn từ ranh giới xã Hòa Quang Bắc đến giáp xã Hòa Kiến	1,0	1,0	1,0	1,0
5.7	**Khu dân cư thôn Phụng Tường 1**				
-	Đường ĐH 24 *(Trước đây là đường liên xã Hòa Thắng – Hòa Trị cũ):* Đoạn qua Khu dân cư thôn Phụng Tường 1	1,2			
-	Đường số 1				
+	Đoạn bề rộng 9m	1,0			
+	Đoạn bề rộng 5m	1,0			
-	**Đường số 2 và đường số 3 rộng 9m**	1,0			
5.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5.9	**Dự án: Khép kín khu cư phía đông trường tiểu học Hòa Trị 2**				
-	Đường D1; D2; D5; N2; N4 rộng 11,5m	1,0			
-	Đường N1 rộng khoản 9m	1,0			
-	Đường N3 rộng 6m	1,0			
-	Đường D3 và D4 rộng 4m	1,0			
6	**Xã Hòa Quang Bắc** (Xã đồng bằng)				
6.1	**Đường ĐH 22** *(Xã lộ 22 cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm + 100m	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Hạnh Lâm +100m đến Kênh N1 *(Đoạn từ chợ Hạnh Lâm + 100 đến dốc Hào Hai và đoạn từ dốc Hào Hai đến giáp ranh giới khu NN áp dụng công nghệ cao cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	**Đường ĐH 25** *(Xã lộ 25 cũ)*				
-	Đoạn từ xã lộ 22 đến cầu Vôi núi Miếu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Vôi núi Miếu đến ranh giới kênh N1	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	**Đường ĐH 29**: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Quang Nam đến giáp xã Hòa Trị	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	**Đường liên xã Hòa Quang Nam - Hòa Quang Bắc - Hòa Định Đông**:Đoạn từ ĐH 22 đi bầu tròn đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
6.5	**Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên**				
-	Trục đường chính				
+	Đoạn từ Kênh N1 đến cầu Suối Mốc	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cầu Suối Mốc đến Hồ Lỗ Chài 1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường D2, D4	1,0			
-	Đường N2, N5, N6, N7, N10 (rộng 11,5m)	1,0			
-	Đường nội bộ trong Khu tái định cư, thuộc Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên				
+	Đường số 3; đường số 4; đường số 5 (rộng 6m)	1,0			
6.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Xã Hòa Quang Nam** (Xã đồng bằng)				
7.1	**Đường ĐH 22** *(Xã lộ 22 cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh lâm + 100m	1,05	1,0	1,0	1,0
7.2	**Đường ĐH 25** *(Xã lộ 25 cũ)* Đoạn từ ranh giới Hòa Định Đông đến ranh giới xã Hòa Quang Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
7.3	**Đường ĐH 28:** Đoạn từ ranh giới xã Hòa Định Đông đến giáp xã Hòa Trị	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	**Đường ĐH 29:** Đoạn từ ranh giới xã Hòa Định Đông đến giáp xã Hòa Quang Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
7.5	**Đường kết nghĩa xã Hòa Quang Nam**				
-	Đoạn từ ngã ba nhà 5 Hiệu đến kênh N3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh N3 đến ngã ba cầu Phú Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Phú Thạnh đến tổ hợp tác Sơn Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
7.6	**Đường liên xã Hòa Quang Nam - Hòa Quang Bắc - Hòa Định Đông**:Đoạn từ thôn Mậu Lâm Nam đến thôn Quang Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0
7.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Xã Hòa Hội** (Xã miền núi)				
8.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Định Tây - Hòa Hội đến trụ Km28	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km28 đến Km28 +400 (ngã tư Trường tiểu học Hòa Hội)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28 400 đến Km29 +100	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km29 +100 đến Km29 +200	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km29 +200 đến Km29 +600	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km29 +600 đến ranh giới xã Sơn Hà	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
8.2	**Đường ĐH 30** *(Đường liên thôn Phong Hậu - Nhất Sơn cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa (05 xã vùng đồng bằng)**				
1	**Xã Hòa Thành** (xã đồng bằng)				
1.1	**Đường liên thôn:** Từ cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1 đến cổng văn hoá thôn Lộc Đông				
-	Đoạn từ cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1 để cổng văn hoá thôn Lộc Đông	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng (Đường TG3-TG4 hiện trạng rộng 9,5m, quy hoạch rộng 12,5m)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng đến cổng văn hoá thôn Lộc Đông	1,05	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường ĐT 645**				
-	Đoạn từ trạm bơm Phú Lâm đến Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông	1,15	1,15	1,1	1,1
-	Đoạn từ Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông đến ranh giới xã Hòa Bình 1	1,1	1,1	1,1	1,1
1.3	**Điểm dân cư thôn Phước Bình Nam**				
-	Đường bê tông rộng 5,5m	1,0			
1.4	**Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng**				
-	Đường TG7-TG4 hiện trạng rộng 10,5m (quy hoạch rộng 13,5m)	1,1			
-	Đường QH số 1 (đoạn từ đường số 3 đến đường TG7-TG4) rộng 9,5m	1,1			
-	Đường QH số 2 (đoạn từ đường số 1 đến đường TG7-TG4) rộng 9,5m	1,1			
-	Đường QH số 3 rộng 9,5m	1,1			
1.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,05	1,0	1,0	1,0
2	**Xã Hòa Tân Đông** (xã đồng bằng)				
2.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương *(đường vào nhà ông Nguyễn Chợ)*	1,05	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương đến ranh giới xã Hòa Tân Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đoạn Kè Phú Đa**	1,05	1,0	1,0	1,0
2.3	**Điểm dân cư nông thôn Phú Lương**				
-	Đường rộng 6m	1,05			
-	Đường rộng 3m	1,05			
2.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,05	1,0	1,0	1,0
2.5	**Khu tái định cư phục vụ đường Cao tốc đoạn qua thị xã Đông Hoà**				
-	Đường QH1 rộng 16m	1,0			
-	Đường QH2 rộng 12m	1,0			
-	Đường QH3 rộng 7m	1,0			
-	Đường bê tông rộng 4m	1,0			
3	**Xã Hòa Tâm** (xã đồng bằng)				
3.1	**Quốc lộ 29**				
-	Từ cầu Đà Nông đến giáp ranh Cảng Bãi Gốc *(Từ cầu Đà Nông đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giáp ranh Cảng Bãi Gốc đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường Phú Khê – Phước Tân đoạn đã bê tông hóa** *(Khu vực 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Hòa Xuân Nam** (xã đồng bằng)				
4.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Nhà ông Phạm Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Phạm Hùng đến QL 1 *(Đoạn từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Phạm Hùng cũ)*	1,0			
4.2	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phạm Hùng) đến kho Xăng Dầu Vũng Rô *(Quốc lộ 29 cũ. Đoạn từ nhà ông Phạm Hùng đến kho Xăng Dầu Vũng Rô cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Xuân Đông đến cầu Sông Mới	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông mới đến chân Đèo Cả *(nhà ông Trần Thanh Hóa)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ chân Đèo Cả *(nhà ông Trần Thanh Hóa)* đến ranh giới xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Khu Tái định cư Hầm đường bộ Đèo Cả**				
-	Đường D9: Đoạn từ D1 đến D2	1,05			
-	Đường D2: Đoạn từ D9 đến D3	1,05			
-	Đường D9: Đoạn từ D2 đến D7	1,05			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu tái định cư	1,05			
4.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xã Hòa Xuân Đông** (xã đồng bằng)				
5.1	**Quốc lộ 1**				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Xuân Tây đến mương thủy lợi Nam Bình	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ mương thủy lợi Nam Bình đến cầu cây Tra	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu cây Tra đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	**Điểm dân cư dãy phố chợ trung tâm thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân Đông**				
-	Các đoạn đường rộng 6m	1,0			
5.3	**Khu tái định cư Hòa Tâm** *(sau khi hoàn thiện hạ tầng)*				
-	Đường rộng 25m	1,0			
-	Đường rộng 16m và 16,5m	1,0			
-	Đường rộng 12,5m	1,0			
5.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,05	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**				
A	**Vùng đồng bằng (06 xã)**				
1	**Xã Hòa Tân Tây** *(Xã đồng bằng)*				
1.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ cầu Gò Mầm mới đến giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy đến cầu Tạ Bích	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Tạ Bích đến giáp đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn đường từ ga Gò Mầm cũ đến giáp Quốc lộ 29 mới	1,1	1,0		
1.2	**Đường bờ kênh N1**:Đoạn từ cổng (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng) đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
1.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Đường liên xã Hòa Tân Tây – Hòa Bình 1, đoạn cầu Tạ Bích (Quốc lộ 29) đến giáp ranh xã Hòa Bình 1 thuộc thôn Phước Mỹ**	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Xã Hòa Đồng** *(Xã đồng bằng)*				
2.1	**Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh**				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Thứ đến ngã ba Phú Diễn	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Phú Diễn đến trường THCS Nguyễn Thị Định	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường THCS Nguyễn Thị Định đến ranh giới xã Hòa Mỹ Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông 8 Nhơn**	1,2	1,0	1,0	1,0
2.3	**Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông 8 Phú**	1,0	1,0	1,0	1,0
2.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
3	**Xã Hòa Bình 1** *(Xã đồng bằng)*				
3.1	**Đường ĐT 645**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Thành đến cây xăng HTXNN KD DV Hòa Bình 1	1,0	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng HTXNN KD DV Hòa Bình 1 đến cầu Bà Kế	1,1	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bà Kế đến ranh giới thị trấn Phú Thứ	1,1	1,2	1,0	1,0
3.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,2	1,0	1,0
3.3	**Tuyến đường từ đường ĐT 645 đến Trường THCS Nguyễn Anh Hào**	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	**Đường liên xã Hòa Bình 1 – Hòa Tân Đông, đoạn từ đường ĐT 645 (cổng chào thôn Nông Nghiệp) đến cầu Hòa Tân Đông, thị xã Đông Hòa**	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	**Đường liên xã Hòa Bình 1 – Hòa Tân Tây, đoạn từ Cầu Chân Tình (ĐT645) đến giáp ranh xã Hòa Tân Tây thuộc thôn Xuân Thạnh 1, Xuân Thạnh 2**	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.6	**Đoạn đường nội bộ Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc-Nam (đường rộng 12m)**	1,0			
4	**Xã Hòa Phong** *(Xã đồng bằng)*				
4.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn giáp ranh từ thị trấn Phú Thứ đến Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1	1,0	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang	1,0	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hoà Phú	1,0	1,2	1,0	1,0
4.2	**Đường bờ kênh Nam**				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1	1,0	1,0		
-	Đoạn từ Cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang	1,0	1,0		
-	Đoạn từ Chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hoà Phú	1,0	1,0		
4.3	**Đường Cầu Ga đi xã Hòa Đồng theo Kênh N6**				
-	Đoạn từ cầu Ga đến cầu ông Ba Thu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Ba Thu đến giáp xã Hòa Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường từ Nghĩa Trang huyện đi xã Hòa Mỹ Đông theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Hoà Phong – Phú Nhiêu**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	**Đường liên xã Hòa Phong – Phú Nhiêu (Hòa Mỹ Đông)**				
-	Đoạn từ cầu Hào Ba đến bìa phía Bắc Núi Đất (Điểm sinh hoạt dân cư Mỹ Thạnh Trung 1)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
4.7	**Đường từ Cầu Dinh ông đến giáp Quốc lộ 29 (tại vòng xuyến)**	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xã Hòa Phú** *(Xã đồng bằng)*				
5.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Phong đến nhà Ông Nguyễn Toàn Phong *(các đoạn đường còn lại Quốc lộ 29 cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà Ông Nguyễn Toàn Phong đến Trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bàn *(đoạn từ cầu Lương Phước đến đường vào nhà thờ Tin Lành cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bàn đến cầu Lạc Mỹ *(các đoạn đường còn lại Quốc lộ 29 cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Lạc Mỹ đến giáp xã Sơn Thành Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
5.2	**Đường cầu Xếp Thông đi Núi Lá Hòa Mỹ Tây**	1,1	1,0	1,0	1,0
5.3	**Đường dọc bờ Kênh Nam Đồng Cam**	1,1	1,0	1,0	1,0
5.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
6	**Xã Hòa Mỹ Đông** *(Xã đồng bằng)*				
6.1	**Đường liên xã Phú Thuận – Mỹ Thành**				
-	Đoạn từ cầu Đúc đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông đến ngã ba thôn Xuân Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba thôn Xuân Mỹ đến giáp xã Hòa Mỹ Tây	1,1	1,0	1,0	1,0
6.2	**Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh**				
-	Đoạn từ ngã ba Vườn Thị đến trụ sở thôn Xuân Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ sở thôn Xuân Mỹ đến cầu Bến Trâu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Bến Trâu đến nhà tránh lũ thôn Lạc Chỉ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà tránh lũ thôn Lạc Chỉ đến giáp thôn Cảnh Tịnh xã Hòa Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	**Đường Xếp thông-Núi lá (giai đoạn 2)**:Đoạn từ ngã ba Trụ sở UBND xã Hoà Mỹ Đông đến Trường UNECEP (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	**Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiêu**	1,0	1,0	1,0	1,0
6.5	**Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hoà Đồng đến đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu) đến giáp xã Hòa Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
6.6	**Đường liên xã Phú Nhiêu – Hòa Phong**				
-	Đoạn từ cửa hàng ông Nguyễn Văn Phú đến trụ sở thôn Vạn Lộc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ sở thôn Vạn Lộc đến giáp xã Hòa Phong.	1,0	1,0	1,0	1,0
6.7	**Đường bờ kênh N2 - phía Bắc kênh**: Đoạn từ Nhà Bà Nguyễn Thị Bích đến nhà Bà Ngô Thị Khang	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
6.8	**Đường bờ kênh N4**	1,0	1,0	1,0	1,0
6.9	**Đường từ nhà ông Trương Trọng Hải (Phú Thuận) đến trường THCS Phạm Văn Đồng**	1,2	1,0	1,0	1,0
6.10	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
B	**Vùng miền núi (04 xã)**				
7	**Xã Hòa Mỹ Tây** *(Xã miền núi)*				
7.1	**Đường liên xã Phú Thuận – Mỹ Thành**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Mỹ Đông đến nhà ông Nguyễn Hích	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hích đến cầu Bầu Sen	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bầu Sen đến nhà ông Trần Thiện Khiêm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Thiện Khiêm đến cầu Bến Nhiễu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bến Nhiễu đi Bến Mít	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến Mít đến giáp ranh thủy điện Đá Đen	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	**Đường Xếp Thông – Núi Lá (giai đoạn 1) đi Hòa Phú**				
-	Đoạn từ UBND xã đến Cầu Khui	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Khui đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	**Đường từ Ga Hòn Sặc đến giáp xã Hòa Mỹ Đông**				
-	Đoạn từ Ga Hòn Sặc đến Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường Mầm non (Đội 5 cũ) đến giáp xã Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	**Đường từ Cầu khui đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông (bờ kênh N222)**	1,0	1,0	1,0	1,0
7.5	**Đường liên xã Hoà Mỹ Tây-Sơn Thành Đông**:Đoạn từ Bến Mít đến giáp xã Sơn Thành Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
7.6	**Đường từ trường mầm non (đội 5 cũ) đến giáp kênh N222**	1,0	1,0	1,0	1,0
7.7	**Đường từ ngã 3 nhà dù đến nhà ông Phạm Long Hải**	1,0	1,0	1,0	1,0
7.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
8	**Xã Hòa Thịnh** *(Xã miền núi)*				
8.1	**Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh**				
-	Đoạn từ cầu Bến Củi (cũ) đến nhà ông Chính	1,4	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ nhà ông Chính thôn Mỹ Hoà đến nhà ông Thướt thôn Mỹ Xuân 2	1,4	1,3	1,2	1,2
-	Đoạn từ nhà ông Thướt thôn Mỹ Xuân 2 đến chân đập hồ chứa nước Mỹ Lâm *(trạm Kiểm Lâm cũ)*	1,3	1,2	1,2	1,2
8.2	**Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh đến giáp thôn Lạc Chỉ (Hòa Mỹ Đông)**				
-	Đoạn từ trường tiểu học Hòa Thịnh đến giáp ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh đến giáp thôn Lạc Chỉ (Hòa Mỹ Đông)	1,2	1,0	1,0	1,0
8.3	**Đường từ ngã 3 Nhà văn hóa Cảnh Tịnh đến giáp đường Liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh**	1,2	1,0	1,0	1,0
8.4	**Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (Nhà Phú Tiệp) đến Suối Lạnh**				
-	Nhà Phú Tiệp đến hết nhà ông Nguyễn Văn Hùng thôn Mỹ Điền	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hùng thôn Mỹ Điền đến Suối Lạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
8.5	**Đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Linh thôn Mỹ Điền đi Hòn Một, xã Hòa Tân Tây**	1,0	1,0	1,0	1,0
8.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
9	**Xã Sơn Thành Đông**				
9.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Phú đến cổng Hoà Bình thôn Phú Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng Hoà Bình đến Xưởng cưa Thành Sơn	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ Xưởng cưa Thành Sơn đến giáp xã Sơn Thành Tây	1,2	1,2	1,2	1,2
9.2	**Đường từ Quốc lộ 29 đến ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lễ Lộc Bình**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lễ Lộc Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lễ Lộc Bình đến hết nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lễ Lộc Bình	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
9.3	**Đường từ Quốc lộ 29 hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 Trường Tiểu học số 2 thôn Phú Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường tiểu học số 2 thôn Phú Thịnh đến hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
9.4	**Đường từ Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng cổng thôn Lễ Lộc Bình** *(Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
9.5	**Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến ngã ba nhà Thiều Văn Nữa thôn Bình Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba nhà Thiều Văn Nữa thôn Bình Thắng đến hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
9.6	**Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Huỳnh Vân thôn Bình Thắng**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến nhà Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng đến hết nhà ông Huỳnh Vân thôn Bình Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
9.7	**Đường từ Quốc lộ 29 đến ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng**	1,0	1,0	1,0	1,0
9.8	**Đường từ Quốc lộ 29 đến nhà Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình**	1,0	1,0	1,0	1,0
9.9	**Đường từ Quốc lộ 29 đi Cầu Bến Mít**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến nhà ông Trương Minh Tài	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trương Minh Tài đến nhà ông Lê Nhường	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Lê Nhường đi đến Cầu Bến Mít	1,0	1,0	1,0	1,0
9.10	**Đường từ giao Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng cổng thôn Lễ Lộc Bình** *(Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ)* **đến nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền**	1,0	1,0	1,0	1,0
9.11	**Đường từ nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình đến hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An**				
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình đến hết nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành đến hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
9.12	**Đường Trung tâm thôn Thành An**				
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Đức Hạnh đến nhà ông Nguyễn Tự Thanh Xuân.	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Đức Hạnh đến nhà ông Phan Duy Thơ.	1,0	1,0	1,0	1,0
9.13	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Xã Sơn Thành Tây**				
10.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ giáp xã Sơn Thành Đông đến cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành đến đường vào Nghĩa trang xã *(Chia thêm đoạn mới)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào Nghĩa trang xã đến chân dốc Dáng Hương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân dốc Dáng Hương đến giáp xã Sơn Giang huyện Sông Hinh *(Chia thêm đoạn mới)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	**Đường liên thôn Lạc Đạo từ Quốc lộ 29 đến giáp cầu Măng Sê thôn Lạc Đạo**	1,0	1,0	1,0	1,0
10.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	**Huyện Sông Hinh**				
1	**Xã Sơn Giang** (xã miền núi)				
1.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ cầu Sông Nhau đến kênh tây sau Thủy điện Sông Hinh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh tây sau Thuỷ điện Sông Hinh đến hết Thôn Suối Biểu	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Thôn Suối Biểu đến giáp ranh giới xã Đức Bình Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường từ Quốc lộ 29 đến thôn Hà Giang**	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến hết kênh T20	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh T20 đến hết thôn Hà Giang	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	**Đường 20 tháng 7**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến niệm Phật đường Sơn Giang *(đoạn Quốc lộ 29 đến phân trường Tiểu học Nam Giang cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ niệm Phật đường Sơn Giang đến hết trường mầm non Sơn Giang *(Đoạn từ trụ sở UBND xã Sơn Giang (cũ) đến Trường tiểu học xã Sơn Giang cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	**Xã Đức Bình Đông** (Xã miền núi)				
2.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Giang đến giáp cống Suối Gáo (đường vào mỏ khai thác đá)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống Suối Gáo (đường vào mỏ khai thác đá) đến cầu Sông Hinh	1,2	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường từ Quốc lộ 29 đến nhà văn hóa thôn Tân Lập**	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Xã Ea Bia** (Xã miền núi)				
3.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ cầu Sông Hinh đến cầu suối Dù	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Dù đến giáp điểm giáp ranh khu CN-TTCN (thị trấn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ điểm giáp ranh khu CN-TTCN đến ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)**				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn (Cầu EaBia) đến cầu Đung Gia (Nhà Ma Cách)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đung Gia (nhà Ma Cách) đến giáp ranh giới xã EaTrol	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	**Đường từ tràn suối Bệnh viện đến Quốc lộ 19C (Đường từ tràng suối Bệnh viện đến ngã ba buôn Dành B đi EaTrol cũ)**	1,1	1,0	1,0	1,0
3.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Đức Bình Tây** (Xã miền núi)				
4.1	**Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)**				
-	Đoạn từ điểm đầu cầu Sông Ba đến cầu ông Nãy	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nãy đến cuối khu dân cư buôn Quang Dù	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ khu dân cư buôn Quang Dù đến giáp ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	**Đường đi thôn Tuy Bình**				
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 19C *(đường Quốc lộ 29 cũ)* đến hết Trường tiểu học và THCS xã Đức Bình Tây	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường tiểu học và THCS Đức Bình Tây đến cuối thôn Tuy Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Đường chợ:** Đoạn từ Quốc lộ 19C *(Đường ĐT 649 cũ)* đến ngã tư cuối nhà ông Nghị	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường thôn An Hòa:** từ ngã tư Quốc lộ 19C *(Đường ĐT 649 cũ)* đi đến giáp đường số 9	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	**Đường đi đập chính thủy điện sông Ba Hạ:** Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 19C *(Đường ĐT 649 cũ)* đi đến đập chính	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Khu dân cư thôn An Hòa**				
-	Đường liên thôn rộng 12m: Đoạn từ Quốc lộ 19C đến giáp đường D4	1,0			
-	Đường D4 (đoạn từ giáp đường liên thôn rộng 12 m đến giáp đường Quốc lộ 19C), đường N3 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C) và đường N5 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C) rộng 6m	1,0			
-	Các đường rộng 6m còn lại	1,0			
4.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xã EaTrol** (Xã miền núi)				
5.1	**Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)**				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaBia đến Tràn buôn Thu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràn buôn Thu đến Cầu suối EaTrol	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối EaTrol đến giáp ranh giới xã Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Xã Sông Hinh** (Xã miền núi)				
6.1	**Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)**				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaTrol đến ngã 3 đường đi Suối tre	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 đường đi suối tre đến ngã 3 thôn Bình Yên	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 thôn Bình Yên đến giáp ranh tỉnh ĐăkLăk	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
6.2	**Đường trung tâm xã**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 19C *(Đường ĐT 649 cũ)* đến cuối trường THCS xã Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường THCS xã Sông Hinh đến hết đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Xã EaBar** (Xã miền núi)				
7.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hai Riêng đến ngã ba đi buôn Ken xã EaBá	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi buôn Ken xã EaBá đến UBND xã (trụ sở mới)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ sở UBND xã (mới) đến cầu buôn Chung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Buôn Chung đến giáp ranh giới xã EaLy	1,1	1,0	1,0	1,0
7.2	**Khu quy hoạch mới khu dân cư Buôn Trinh**				
-	Các đường rộng 14m (trừ đường sát với đường ĐT 645)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch mới (rộng dưới 14 m)	1,1	1,0	1,0	1,0
7.3	**Đường Trường Sơn Đông**				
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến cổng mỏ đá	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng mỏ đá đến ngã ba đi xã EaBá	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi xã EaBá đến ranh giới xã Ea Lâm	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	**Đường từ Quốc lộ 29 cây xăng đến ngã 3 thôn EaDin**	1,0	1,0	1,0	1,0
7.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Xã EaLy** (Xã miền núi)				
8.1	**Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ cầu ranh giới xã EaBar đến tràn Thanh niên xung phong	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràn Thanh niên xung phong đến cầu EaLy	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu EaLy đến ranh giới tỉnh Đăklăk (cầu Erong Reng)	1,1	1,0	1,0	1,0
8.2	**Đường Trường Sơn Đông**				
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến Km492	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ Km492 đến ngã ba đi thôn Tân Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Tân Sơn đến giáp ranh giới huyện M'Đrăk tỉnh ĐăkLăk	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	**Đường từ ngã ba Quốc lộ 29 đến trường Tiểu học Tân Lập**	1,0	1,0	1,0	1,0
8.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Xã EaLâm** (Xã miền núi)				
9.1	**Đường Trường Sơn Đông**				
-	Đoạn từ cầu Suối Ố (giáp ranh huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai) đến Km481 (gần cống EaSai)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km481 (gần cống EaSai) đến giáp ranh xã EaBar	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Xã EaBá** (Xã miền núi)				
10.1	**Quốc lộ 29**	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	**Huyện Sơn Hòa**				
	Vùng miền núi (13 xã)				
1	**Xã Sơn Hà** *(xã miền núi)*				
1.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Phú Hòa đến cột Km36	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ cột Km36 đến Cầu Sông Con	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ cầu Sông Con đến đường vào chùa Phước Điền	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ đường vào chùa Phước Điền đến ranh giới xã Suối Bạc	1,2	1,2	1,2	1,2
1.2	**Đường ĐT 650 (ĐT 648 cũ)**				
-	Từ giao QL25 +100m về hướng Bắc	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ giao QL25 +100 m về hướng Bắc đến cầu Ngã 2 (giáp xã Sơn Nguyên) *(Đoạn từ giao QL25 +100 m về hướng Bắc đến Tràn Ngã 2 (giáp xã Sơn Nguyên) cũ)*	1,1	1,1	1,1	1,1
1.3	**Đường 24 tháng 3 (Từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25)**	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
1.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,1	1,1
2	**Xã Sơn Nguyên** *(xã miền núi)*				
2.1	**Đường ĐT 650 (ĐT 648 cũ)**				
-	Đoạn từ Cầu Ngã 2 đến hết UBND xã + 150m	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ hết UBND xã +150m đến cầu Vực Cui	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Vực Cui đến ranh giới xã Sơn Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Đường ĐH 54** *(Đường đi từ thôn Nguyên An đi xã Suối Bạc cũ)*				
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường ĐT 650 (ĐT 648 cũ) thôn Nguyên An đến hết khu dân cư thôn Nguyên Cam	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết khu dân cư thôn Nguyên Cam đến ranh giới xã Suối Bạc	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Xã Suối Bạc** *(xã miền núi)*				
3.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Hà đến Trạm biến áp 35 KV Tân Phú	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trạm biến áp 35KV Tân Phú đến hết chợ Suối Bạc	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ chợ Suối Bạc đến giao đường Suối Bạc 1	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ giao đường Suối Bạc 1 đến giao đường Quốc lộ 19C (ĐT 646 + 200m cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 19C (ĐT 646 +200m cũ) đến giáp ranh xã Eachà Rang	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	**Đường Trần Phú nối dài:** Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25	1,2	1,2	1,2	1,2
3.3	**Quốc lộ 19C (ĐT 646 cũ)**				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25 -200m	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 -200 m đến Quốc lộ 25 +200 m	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ QL25 +200 m đến ranh giới xã Sơn Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	**Đường Suối Bạc 1, Suối Bạc 3, Suối Bạc 4**	2,0	2,0	2,0	2,0
3.5	**Đường Suối Bạc 2**	1,1	1,1	1,1	1,1

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3.6	**Đường 24 tháng 3 (từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến QL25)**	1,0	1,0	1,0	1,0
3.7	**Đường ĐH 52** *(Đường đi thôn Suối Bạc cũ)*				
-	Đoạn từ Ngã tư (giao QL25) đến hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 200m	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 200m đến ngã 3 (giao đường đi Hồ Bà Võ) + 100m	1,1	1,1	1,1	1,1
3.8	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Sơn Phước** *(xã miền núi)*				
4.1	**Quốc lộ 19C (ĐT 646 cũ)**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến Cầu số 3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu số 3 đến Cầu Hiệp Lai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hiệp Lai đến hết ranh UBND xã + 300m	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh UBND xã + 300m đến ranh giới xã Sơn Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xã Eachà Rang** *(xã miền núi)*				
5.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến Cầu Suối Tre	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu Eachà Rang	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ Cầu Eachà Rang đến ranh giới xã Krông Pa	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	**Đường ĐH 53**				
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Suối Trai (đường vào Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định) đến cầu Ma Va	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ma Va đến ranh giới xã Suối Trai	1,0	1,0	1,0	1,0
5.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
6	**Xã Krông Pa** *(xã miền núi)*				
6.1	**Quốc lộ 25**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Eachà Rang đến ngã tư -200m	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư - 200m đến hết ranh trường Trung học cơ sở	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ hết ranh trường Trung học cơ sở đến cầu Cà Lúi (giáp ranh xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Xã Suối Trai** *(xã miền núi)*				
7.1	**Đường ĐH 53**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Chà Rang và thị trấn Củng Sơn đến ngã ba Hà Đô	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hà Đô đến ngã ba đi thôn Hoàn Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Hoàn Thành đến ranh giới xã Ea Chà Rang	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	**Xã Sơn Xuân** *(xã miền núi)*				
8.1	**Đường ĐT 650 (ĐT 648 cũ)**				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Nguyên đến giáp UBND xã -150m (*Đoạn từ ranh giới xã Sơn Nguyên đến giáp UBND xã -100m cũ)*	1,5	1,5	1,5	1,2
-	Đoạn từ UBND xã -150m đến đầu Dốc Đỏ *(Đoạn từ UBND xã -100m đến đầu Dốc Đỏ)*	1,5	1,5	1,5	1,2
-	Đoạn từ đầu Dốc Đỏ đến ranh giới xã Sơn Long	1,5	1,5	1,5	1,2
8.2	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Xã Sơn Long** *(xã miền núi)*				
9.1	**Đường ĐT 643** *(Đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa cũ)*				
-	Từ ranh giới huyện Tuy An đến đường xã *(Từ ranh giới huyện Tuy An đến ngã ba (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa) cũ)*	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 đường xã đến giao ĐT 650 (cây xăng Vân Hòa) *(Từ ngã ba (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa) đến ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa và ĐT 648) cũ)*	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ giao ĐT 650 (cây xăng Vân Hòa) đến Hồ Suối Phèn *(Từ ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa và ĐT 648) đến Hồ Suối Phèn cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Hồ Suối Phèn đến ngã 3 giao với đường xã (xóm Phong Cao) *(Từ Hồ Suối Phèn đến ngã ba (giao ĐT643) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 giao với đường xã (xóm Phong Cao) đến hết khu dân cư xóm Phong Cao *(Đoạn từ ngã ba giao ĐT643) đến hết khu dân cư xóm Phong Cao cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết khu dân cư xóm Phong Cao đến ranh giới xã Sơn Định	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	**Đường ĐT 650**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Xuân đến đường ĐT643 (cây xăng Vân Hòa)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ĐT643 đến giáp ranh xã An Xuân, huyện Tuy An	1,5	1,0	1,0	1,0
9.4	**Các đường xã** *(Đường 643 cũ)*				
-	Đường ĐT 643 đến hồ Vân Hòa *(Đoạn từ ngã ba (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa đến (ngã tư) giao ĐT 648 và đường tránh lũ Tuy An – Sơn Hòa (cây xăng Vân Hòa) cũ)*	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ hồ Vân Hòa đến Hồ Suối Phèn *(Đoạn từ ngã ba (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa- hồ Vân Hòa) đến hồ Suối Phèn cũ)*	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ quán Phong Thủy đến đường ĐT 643 *(Từ hồ Suối Phèn đến (ngã 3) giao với đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa cũ)*	1,1	1,1	1,0	1,0
9.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Xã Sơn Định** *(xã miền núi)*				
10.1	**Quốc lộ 19C**				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân đến hết thôn Hòa Ngãi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp thôn Hòa Ngãi đến ngã tư đường ĐT 643 - 250m	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường ĐT 643 - 250m đến ngã 3 ĐT 643 cũ (trạm dừng chân Thành Đạt)	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 ĐT 643 cũ (trạm dừng chân Thành Đạt) đến giáp ranh xã Sơn Hội	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
10.2	**Đường ĐT 643** *(Đường tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Long đến ranh nhà thờ Bác Hồ	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ nhà thờ Bác Hồ đến giao Quốc lộ 19C *(Đoạn từ ranh nhà thờ Bác Hồ đến ngã ba (giao với ĐT 643) cũ)*	1,2	1,2	1,2	1,2
10.3	**Các đường xã** *(Đường ĐT 643 cũ)*				
-	Đoạn từ nhà thờ Bác Hồ đến ngã Tư thôn Hòa Bình (-100m)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã Tư thôn Hòa Bình - 100m đến Quốc lộ 19C *(Đoạn từ ngã Tư thôn Hòa Bình -100m đến giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An – Sơn Hòa cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 19C (ngã tư Hòa Bình mới) đến ngã tư Hòa Bình cũ *(Đường ĐT 642, Đoạn từ ngã Tư thôn Hòa Bình -200m đến giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An Sơn Hòa) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
11	**Xã Sơn Hội** *(xã miền núi)*				
11.1	**Quốc lộ 19C** *(đường ĐT 646 cũ)*				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Phước đến Cống qua đường (ruộng lúa nước)	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ Cống qua đường (ruộng lúa nước) đến ngã tư chợ Trà kê +200m	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê + 200m đến trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ đến ranh giới xã Sơn Định	1,0	1,0	1,0	1,0
11.2	**Đường ĐT646**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 19C (ngã ba địa chất) đến ngã tư đi thôn Tân Thuận (Trường La Văn Cầu) *(Đoạn từ ngã ba địa chất (QL 19C) đến giao (ngã ba) đường ngã ba thôn Tân Thuận cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đi thôn Tân Thuận (Trường La Văn Cầu) đến đường vào đập hồ Tân Lương *(Đoạn từ ranh UBND xã +200m đến đường vào đập hồ Tân Lương cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào đập hồ Tân Lương đến cống (ruộng lúa nước) qua đường	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ cống qua đường (ruộng lúa nước) đến ranh xã Phước Tân	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
11.3	**Đường ngã tư Trà Kê-Thôn Tân Thuận**				
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê đến hết UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã đến giao đường ĐT 646 *(Đoạn từ UBND xã đến giao đường ĐH55 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	**Đường ĐH55**				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê đến hết ranh nhà ông Ba Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Ba Bình đến hết ranh nhà ông Trần Quốc Mỹ +100m	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Quốc Mỹ+100m đến nhà ông Nguyễn Tấn Diên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tấn Diên đến ranh giới xã Cà Lúi	1,0	1,0	1,0	1,0
11.5	**Đường từ ĐT 646 (ngã ba Suối Tre) đến ĐH 55 (nhà ông Ba Bình)** *(Đường ngã ba Suối tre – ĐH 55, Đoạn từ ngã ba (nhà ông Ba Bình) đến hết ranh UBND xã +200m cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
11.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
12	**Xã Cà Lúi** *(xã miền núi)*				
12.1	**Đường ĐH55**				
-	Đoạn tiếp giáp xã Sơn Hội đến ranh nhà ông Ra Lan Kính	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Ra Lan Kính đến hết ranh nhà ông Sô Y Reo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Sô Y Reo đến hết ranh xã Cà Lúi	1,0	1,0	1,0	1,0
12.2	**Các đường, đoạn đường trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
13	**Xã Phước Tân** *(xã miền núi)*				
13.1	**Đường ĐT646**				
-	Đoạn tiếp giáp xã Sơn Hội đến hết ranh nhà ông Sô Minh Cảnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Sô Minh Cảnh đến hết ranh nhà ông Sô Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Sô Đồng đến hết ranh xã Phước Tân (giáp ranh với xã Xuân Quang 1, huyện Đông Xuân)	1,0	1,0	1,0	1,0
13.2	**Đường Liên thôn**				
-	Đường Ma Y-Suối Đá	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ ngã ba (giao ĐT646) đi Gia Trụ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Ma Y-cầu Ea Ch'Điếc (giáp ranh với xã Đất Bằng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai)	1,0	1,0	1,0	1,0
13.3	**Các đường, đoạn đường trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	**Huyện Đồng Xuân**				
	Vùng miền núi (10 xã)				
1	**Xã Xuân Long** (xã miền núi)				
1.1	**Quốc Lộ 19C** (Đường ĐT 641 cũ)				
-	Đoạn từ dốc Hố Ó (giáp thị Trấn La Hai) đến Bi bà Thiết	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bi bà Thiết đến cầu Hố Chống (Long Thạch)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hố Chống (Long Thạch) đến giáp xã Xuân Lãnh	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	**Đường giao thông nông thôn**				
-	Đường từ Quốc lộ 19C (Từ ngã 3 thôn Long Mỹ) đến ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ *(Đoạn từ ĐT 641 (Từ ngã 3 thôn Long Mỹ) đến ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ - cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ đến giáp Long Bình - thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Quốc lộ 19C (Trụ sở UBND xã mới) đến giáp Trường mẫu giáo *(Đoạn từ trường mẫu giáo đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu và đoạn ĐT641 (Trụ sở UBND xã mới) đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu cũ – nhập đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ trụ sở thôn Long Hòa đến cầu Bà Đoi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ trường mẫu giáo thôn Long Hòa đến nhà ông Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà bà Nguyễn Thị Chín đến nhà ông Mai Văn Lượng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba (nhà ông Nguyễn Bảy) đến giáp xóm khẩu thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Ngã ba trường Trần Quốc Toản đến Giáp nhà ông Bình (Thôn Long Mỹ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã 3 nhà văn hóa thôn Long Mỹ đến giáp đường từ trường Trần Quốc Toản đến nhà ông Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
2	**Xã Xuân Quang 2** (xã miền núi)				
2.1	**Đường La Hai - Đồng Hội**				
-	Đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc *(đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số) cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc đến Nhà ông Hồ Văn Số *(Đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số) cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Hồ Văn Số đến trạm bơm Vực Lò	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trạm bơm Vực Lò đến Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà quản lý nước thôn Phú Sơn đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	**Các đường giao thông nông thôn**				
-	Đường từ ngã ba thôn Phước Huệ (nhà ông Võ Kim Son) đến ngã ba thôn Triêm Đức (nhà ông Đỗ Ngọc Nhờ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ trường tiểu học đến Cổng thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cổng thôn văn hóa thôn Kỳ Đu đến nhà máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường đường từ Bưu điện văn hóa đến chợ Đồng Tranh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà ông nguyễn Hữu đính đến nhà ông Nguyễn Tấn Đại	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã tư nhà ông Nguyễn Tấn Đại đi Gò Cốc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã tư (nhà ông Nguyễn Hữu Đính) đến trường Hoàng Văn Thụ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà ông Bình đến nhà ông Nguyễn Khắc Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà ông Phan Văn Thanh đến nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	**Khu dân cư mới Thôn Triêm Đức**	1,0			
2.4	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	**Xã Xuân Sơn Nam** (xã miền núi)				
3.1	**Đường ĐT 641**				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Tuy An đến Cầu bà Tâm	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu bà Tâm đến Cổng trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam *(Đoạn từ Cầu bà Tâm đến Cổng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi cũ)*	1,3	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ Cổng trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam đến giáp Thị trấn La Hai *(Đoạn từ Cổng trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam đến giáp Thị trấn La Hai cũ)*	1,3	1,1	1,0	1,0
3.2	**Các đường liên thôn**				
-	Đường từ ĐT 641 (nhà văn hóa Bưu điện) đến Cầu sắt Tân Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT 641 (nhà bà Sen) đến Cầu sắt Tân Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Tân Long (trường mẫu giáo Tân Long) đến Tân Hòa (Nhà ông Lân)	1,1	1,0	1,0	1,0
3.3	**Đường ĐT641 - Bầu Năng**				
-	Đoạn từ Cầu Tân Vinh đến nhà ông Đạo.	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sửu	1,1	1,0	1,0	1,0
3.4	**Đường giao thông nông thôn**				
-	Từ đường ĐT 641 (Cầu Chùa) đến cống ngầm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bi Bà Tâm đến nhà ông Liên, Tân Vinh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ ĐT 641 (Bi Bà Xạ) đến nhà ông Tánh (Tân Vinh)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoàn đường từ nhà ông Thái đến nhà ông Nữ (Tân Vinh)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ nhà ông Cúc đến giếng vôi (Tân Vinh)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn ĐT 641 (Cầu Mười Yên) đến nhà Bà Lánh (Tân Vinh)	1,1	1,0	1,0	1,0
3.5	**Khu dân cư mới thôn Tân Vinh**	1,1	1,0	1,0	
3.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	**Xã Xuân Lãnh** (xã miền núi)				
4.1	**Quốc Lộ 19C** (Đường ĐT 641 cũ)				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến nhà bà Nguyễn Thị Bảy *(Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh) đến cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống thoát nước (nhà bà Nguyễn Thị Bảy) đến cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) *(Đoạn cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi) đến cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) đến cống Bảy Phẩm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn cống thoát nước Bảy Phẩm đến Nhà máy Fluorit	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn Từ Nhà máy Fluorit đến giáp xã Xuân Long	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
4.2	**Đường ĐT 644**				
-	Đoạn từ cột mốc địa giới hành chính Xuân Lãnh - Đa Lộc đến Cầu Soi Thầy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Soi Thầy đến cầu Suối Kỷ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Kỷ đến giáp Quốc lộ 19C *(Đoạn từ Km34+450 (cầu Suối Kỷ) đến giáp ĐT 641 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	**Đường liên thôn**				
-	Đoạn từ Quốc lộ 19C đến chợ Mới (giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng) *(Đoạn từ ĐT641 đến chợ Mới (giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng) cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Mới (nhà ông Nguyễn Xuân Tùng) đến giáp đường ĐT644	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT 644 đến Cầu Sông Hà Nhao *(Đoạn từ đường ĐT 644 đến Cổng trường Chu Văn An cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	**Đường Lãnh Vân - Hà Rai**				
-	Đoạn Từ nhà ông Nguyễn Văn Thành (Mỡ) đến giáp cầu Hà Rai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Hà Rai đến hết thôn Hà Rai	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	**Đường Lãnh vân - Làng đồng**				
-	Đoạn đường sắt Bắc Nam đến Cầu Suối Khách *(Đoạn đường sắt Bắc Nam đến ngã ba gò Mã Đông cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Suối Khách đến giáp xã Phú Mỡ *(Đoạn từ ngã ba gò Mã Đông đến giáp xã Phú Mỡ cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã 3 Lãnh Vân - Làng Đồng (Nhà ông Trịnh Minh Thái) đến Nhà ông Nguyễn Văn Lý	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	**Đường Da Dù - Lãnh Cao**	1,0	1,0	1,0	1,0
4.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	**Xuân Sơn Bắc** (xã miền núi)				
5.1	**Đường ĐT642**				
-	Đoạn từ Từ km8+000 đến Cầu Cây Sung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Cây Sung đến nhà ông Đỗ Văn Năm	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Năm đến dốc Đèo (Nhà ông Phan Văn Núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Đèo (Nhà ông Phan Văn Núi) đến giáp thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
5.2	**Các đường giao thông nông thôn**				
-	Đường từ đường ĐT642 đến Chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chùa đồng tròn (nhà bà Lê Thị Sương) đến đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm) đến giáp Mỹ Long-An Dân – Tuy An	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cổng văn hóa thôn Tân Bình đến xóm Gò (nhà ông Võ Hồng Son)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường đường đi qua khu dân cư xóm Gò (đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân)	1,0	1,0	1,0	1,0
5.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	**Xã Xuân Quang 3** (xã miền núi)				
6.1	**Quốc Lộ 19C** (Đường ĐT 642 cũ)				
-	Đoạn từ Đèo Ngang - giáp thị trấn La Hai đến Cầu Ông Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Ông Dương đến Cầu Tràn Suối Ré	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Tràn Suối Ré đến Cầu Tràn Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Phước)	1,2	1,0	1,0	1,0
6.2	**Đường Phước Lộc đến A20**				
-	Đoạn từ Quốc Lộ 19C đến Kênh N2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Kênh N2 đến giáp xã Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	**Đường dọc theo kênh mương N2** (Từ đội 4 Phước Nhuận đi đội 7 Phước Lộc)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	**Đường liên xã Long Hà - Phước Lộc:** Đoạn từ nhà bà Trần Thị Thu Hiền đến giáp thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
6.5	**Các đường giao thông nông thôn**				
-	Đường từ nhà Ông Chẩn đi Suối Ré	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Tạ Thị Bê) đến nhà Hồ Thị Nhung *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Tạ Thị Bê) đến nhà Hồ Thị Nhung cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Mai Xuân Hùng) đến nhà Phạm Văn Tiến *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Mai Xuân Hùng) đến nhà Phạm Văn Tiến cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà lý thu cường) đến nhà trần Minh Trung *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà lý thu cường) đến nhà trần Minh Trung cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Thị Thông) đến suối sâu *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Huỳnh Thị Thông) đến suối sâu cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Trần Vũ Đại) đến giáp đường Phước lộc- A20 *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Trần Vũ Đại) đến giáp đường Phước lộc- A20 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà trần Văn Thọ) đến kênh N2 *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà trần Văn Thọ) đến kênh N2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Phan Văn Trương) đến Kênh N2 *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Phan Văn Trương) đến Kênh N2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (Nhà Nguyễn Tri Phương) đến kênh N2 *(Đường từ đường ĐT 642 (Nhà Nguyễn Tri Phương) đến kênh N2 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Đỗ Nhơn) đến nhà Võ Thị Hương *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Đỗ Nhơn) đến nhà Võ Thị Hương cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C (nhà Đỗ Văn Trinh) đến nhà ông Xu *(Đường từ đường ĐT 642 (nhà Đỗ Văn Trinh) đến nhà ông Xu cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Phước Lộc - A20 (nhà Nguyễn T Kinh Thái) đến nhà Võ Thị Yến	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Phước Lộc - A20 (nhà Nguyễn Khánh Quốc) đến nhà Trần Việt Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0
6.6	**Khu dân cư Thạnh Đức**	1,0			
6.7	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	**Xã Xuân Phước** (xã miền núi)				
7.1	**Quốc Lộ 19C** (Đường ĐT 642 cũ)				
-	Đoạn từ Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến Cầu Suối Muồng *(Đoạn từ Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến km28+000 (cầu tràn thôn Phú Hội - Xuân Phước cũ- tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Suối Muồng đến Cầu Hàm Dài - Phú Hội *(Đoạn từ Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến km28+000 (cầu tràn thôn Phú Hội - Xuân Phước cũ- tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Hàm Dài - Phú Hội đến giáp xã Sơn Định - Sơn Hòa *(Đoạn từ km28+000 (Phú Hội) đến giáp xã Sơn Định - Sơn Hòa cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
7.2	**Đường ĐT 647**				
-	Đoạn từ ngã tư Phước Hoà đến nhà bà Nguyễn Thị Kim Anh *(Đoạn từ km0+000 (ngã ba Phước Hòa đến Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền) cũ – tách đoạn)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Quốc lộ 19C (Nhà ông Nguyễn Đức Hiền) đến nhà ông Nguyễn Tấn Hiền *(Đoạn từ km0+000 (ngã ba Phước Hòa đến Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền) cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tấn Hiền đến trại A20	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trại A20 đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	**Các đường giao thông nông thôn** *(Các đường liên xã cũ)*				
-	Đường từ ngã ba A20 đến địa phận xã Xuân Quang 3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ phòng khám khu vực Xuân Phước giáp ngã tư Phú Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Khu tập thể lâm trường cũ đến nhà Ông Đặng Quốc Quát *(Đoạn từ khu tập thể lâm trường cũ đến cầu Suối Tía cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà Ông Nguyễn Khắc Minh đến cầu Suối Tía *(Đoạn từ khu tập thể lâm trường cũ đến cầu Suối Tía cũ – tách đoạn)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Phú Xuân B - Đồng Bò: Đoạn từ cầu ông Tư đến cổng Hồ chứa nước Phú Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Quốc Lộ 19C đi Cai Thắng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Từ Đường ĐT647 Đi Xóm Đồng Bé - Phú Xuân B Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đường Quốc Lộ 19C đi cây xoài (Nhà ông Nguyễn Thắng)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	**Các điểm dân cư thuộc trung tâm xã Xuân Phước**				
-	**Khu số 1**				
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rồng 7,5m	1,0			
-	**Khu số 2**	1,0			
-	**Khu số 3**				
+	Đường rộng 12m	1,0			
+	Đường rồng 7,5m	1,0			
7.5	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
8	**Xã Xuân Quang 1** ***(xã miền núi)***				
8.1	**Đường ĐT 647**				
-	Đoạn từ Giáp xã Xuân Phước đến Cầu tràn dốc ông Thảo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu tràn dốc ông Thảo đến Cầu tràn Suối Trăng *(Đoạn từ Cầu tràn dốc ông Thảo đến Cầu tràn Suối Cối 1 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu tràn Suối Trăng đến Cầu ông Chung *(Đoạn từ Cầu tràn Suối Cối 1 đến Cầu ông Chung cũ)*	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ruộng ông Ma Chiên đến Suối tre ngôi làng Bà Đầu	1,0	1,0	1,0	1,0
8.2	**Đường Xuân Phước - Phú Hải** (Đoạn từ đường ĐT 647 đến đường ĐT 646 - huyện Sơn Hòa)	1,0			
8.3	**Đường La Hai Đồng Hội:** Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến hết đường La Hai - Đồng Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
8.4	**Các đường giao thông nông thôn**				
-	Đường từ Ngã 3 thôn Kỳ Lộ (Nhà bà Thủy) đến Ngã 3 nhà ông Trần Văn Lâu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Lâu đến nhà Trần Thị Cậy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trường Mầm non xuân Quang 1 đến nhà ông Hồ Trọng Khanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Suối Cối một đến nhà ông Phan Thế Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
8.5	**Khu dsân cư thôn Suối Cối 2**	1,0	1,0	1,0	1,0
8.6	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	**Xã Đa Lộc** (xã miền núi)				
9.1	**Đường ĐT 644**				
-	Đoạn qua địa bàn thôn 3	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 2, 4 *(Đoạn qua địa bàn thôn 2, 4, 5 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 1, 5 *(Đoạn qua địa bàn thôn 1, 6 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	**Các đường giao thông nông thôn**				
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4 *(Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4, 5 cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
9.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	**Xã Phú Mỡ** (xã miền núi)				
10.1	**Đường ĐT 647**				
-	Đoạn từ Suối Cà Tơn đến Suối La Hiêng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Suối La Hiêng đến Dốc Ruộng (cuối thôn Phú Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Suối Mò O đến nhà ông Đinh Văn Thẩm (Thôn Phú Lợi) *(Đoạn từ Suối Mò O đến Sông Bà Đài cũ)*	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	**Đường liên thôn**				
-	Đường nội thôn Phú Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
10.3	**Các đường, đoạn đường còn lại trong xã**				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 3
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ) NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
I	**Thành phố Tuy Hòa**				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	**Thị xã Sông Cầu**				
1	Các phường thuộc thị xã và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: xã Xuân Lâm				
2.1	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh quốc lộ 1 (Đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**				
1	Thị trấn Chí Thạnh và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: xã An Thọ, An Xuân và An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**				
1	Thị trấn Phú Hòa và các xã đồng bằng: xã Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây, Hòa Trị, Hòa Quang Bắc, Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa**				
1	Các phường: Hoà vinh, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam, Hoà Xuân Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	Thị trấn Phú Thứ và các xã đồng bằng: xã Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	**Huyện Sông Hinh** (Miền núi)				
1	Các xã: xã Sơn Giang, Đức Bình Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hai Riêng và các xã: xã Đức Bình Tây, EaBia, EaTrol, EaBar, EaLy, EaLâm, EaBá, Sông Hinh)	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	**Huyện Sơn Hòa** (Miền núi)				
1	Thị trấn Củng Sơn, Sơn Hà.	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Krông Pa (khu vực trạm bơm điện Buôn Lé bơm tưới), xã Suối Trai (khu vực cống tự chảy của Hồ thủy điện tưới)	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
3	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	**Huyện Đồng Xuân** (Miền núi)				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Quang 2, Xuân Lãnh, Xuân Quang 1, Đa Lộc, Phú Mỡ	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 4
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (TRỪ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC 2 VỤ) NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
I	**Thành phố Tuy Hòa**				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	**Thị xã Sông Cầu**				
1	Các phường thuộc thị xã và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: xã Xuân Lâm				
2.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
2.2	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh quốc lộ 1 (Đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
2.3	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**				
1	Thị trấn Chí Thạnh và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: xã An Thọ, An Xuân và An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**				
1	Thị trấn Phú Hòa và các xã đồng bằng: xã Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây, Hòa Trị, Hòa Quảng Bắc, Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa**				
1	Các phường: Hoà vinh, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam, Hoà Xuân Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	Thị trấn Phú Thứ và các xã đồng bằng: xã Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	**Huyện Sông Hinh** (Miền núi)				
1	Thị trấn Hai Riêng và các xã: xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, EaBia, Ea Bar, EaLy)	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại: xã Eatrol, EaLâm, EaBá, Sông Hinh	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
VIII	**Huyện Sơn Hòa** (Miền núi)				
1	Thị trấn Củng Sơn và các xã: Sơn Hà, Sơn Nguyên, Suối Bạc, Sơn Phước, Sơn Xuân, Sơn Long, Sơn Định, Sơn Hội.	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã: Krôngpa, Phước Tân, Cà Lúi, Ea Chà Rang, Suối Trai.	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	**Huyện Đồng Xuân** (Miền núi)				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Quang 2, Xuân Lãnh, Xuân Quang 1, Đa Lộc, Phú Mỡ	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 5
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
I	**Thành phố Tuy Hòa**				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	**Thị xã Sông Cầu**				
1	Các phường thuộc thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã đồng bằng				
2.1	Đoạn từ Bắc cầu Tam Giang mới đến giáp ngã 3 Triều Sơn (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với quốc lộ 1A)	1,0			
2.2	Đường ĐT 642 (Đoạn từ ngã ba Triều Sơn đến giáp ngã ba trong; áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đoạn đường)	1,0			
2.3	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã miền núi: xã Xuân Lâm				
3.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
3.2	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tuyến tránh quốc lộ 1 (Đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
3.3	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**				
1	Thị trấn Chí Thạnh và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: xã An Thọ, An Xuân và An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**				
1	Thị trấn Phú Hòa và các xã đồng bằng: xã Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây, Hòa Trị, Hòa Quang Bắc, Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa**				
1	Các phường: Hoà vinh, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam, Hoà Xuân Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	Thị trấn Phú Thứ và các xã đồng bằng: xã Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
VII	**Huyện Sông Hinh** (Miền núi)				
1	Thị trấn Hai Riêng và các xã: xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, EaBia, EaTrol, EaBar, EaLy.	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại gồm: xã EaLâm, EaBá, Sông Hinh)	1,1	1,0	1,0	1,0
VIII	**Huyện Sơn Hòa** (Miền núi)				
1	Thị trấn Củng Sơn và các xã: Sơn Hà, Sơn Nguyên, Suối Bạc, Sơn Phước, Sơn Xuân, Sơn Long, Sơn Định, Sơn Hội.	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã: Krôngpa, Phước Tân, Cà Lúi, Ea Chà Rang, Suối Trai.	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	**Huyện Đồng Xuân**(Miền núi)				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Quang 2, Xuân Lãnh, Xuân Quang 1, Đa Lộc, Phú Mỡ	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 6
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
I	**Thành phố Tuy Hòa**				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	**Thị xã Sông Cầu**				
1	Các phường thuộc thị xã và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: xã Xuân Lâm	1,0	1,0	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**				
1	Thị trấn Chí Thạnh và các xã đồng bằng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: xã An Thọ, An Xuân và An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**				
1	Thị trấn Phú Hòa và các xã đồng bằng: xã Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây, Hòa Trị, Hòa Quang Bắc, Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa**				
1	Các phường: Hoà vinh, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam, Hoà Xuân Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong thị xã	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	Thị trấn Phú Thứ và các xã đồng bằng: xã Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	**Huyện Sông Hinh** (Miền núi)				
1	Thị trấn Hai Riêng và các xã: Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại: xã EaTrol, EaLy, EaBar, EaLâm, EaBá, Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	**Huyện Sơn Hòa** (Miền núi)				
1	Thị trấn Củng Sơn và các xã: Sơn Hà, Sơn Nguyên, Suối Bạc, Sơn Phước, Sơn Xuân, Sơn Long, Sơn Định, Sơn Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại: Krôngpa, Phước Tân, Cà Lúi, Ea Chà Rang, Suối Trai	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
IX	**Huyện Đồng Xuân** (Miền núi)				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại: Xuân Long, Xuân Quang 2, Xuân Lãnh, Xuân Quang 1, Đa Lộc, Phú Mỡ	1,0	1,0	1,0	1,0

PHỤ LỤC 7
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất	
		VT 1	VT 2
I	**Thành phố Tuy Hòa**		
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0
II	**Thị xã Sông Cầu**		
	Các phường thuộc thị xã và các xã đồng bằng	1,0	1,0
III	**Huyện Tuy An**		
	Thị trấn Chí Thạnh và các xã đồng bằng	1,0	1,0
IV	**Huyện Phú Hòa**		
1	Thị trấn Phú Hòa và các xã đồng bằng: xã Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây, Hòa Trị, Hòa Quang Bắc, Hòa Quang Nam	1,0	1,0
2	Xã miền núi: xã Hòa Hội	1,0	1,0
V	**Thị xã Đông Hòa**		
1	Các phường: Hoà vinh, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam, Hoà Xuân Tây	1,0	1,0
2	Các xã trong thị xã	1,0	1,0
VI	**Huyện Tây Hòa**		
1	Thị trấn Phú Thứ và các xã đồng bằng: xã Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông	1,0	1,0
2	Các xã miền núi: Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây	1,0	1,0
VII	**Huyện Sông Hinh**		
	Thị trấn Hai Riêng và các xã	1,0	1,0
VIII	**Huyện Sơn Hòa**		
	Thị trấn Củng Sơn và các xã	1,0	1,0
IX	**Huyện Đồng Xuân**		
	Thị trấn La Hai và các xã	1,0	1,0

PHỤ LỤC 8
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT LÀM MUỐI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất	
		VT 1	VT 2
	Thị xã Sông Cầu		
	Vùng đồng bằng		
1	Xã Xuân Bình	1,0	1,0
2	Xã Xuân phương	1,0	1,0
3	Phường Xuân Yên	1,0	1,0
4	Xã Xuân Cảnh	1,0	1,0

PHỤ LỤC 9
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT CÁC ĐẢO NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 19 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đảo	Khu vực	Hệ số điều chỉnh giá đất						
			ODT	ONT	TMD	HNK	CLN	RSX	NTS
1	Hòn Lau Dứa, xã An Phú	Tp. Tuy Hòa	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Cù lao Ông Xá, phường Xuân Đài	Tx. Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Nhất Tự Sơn (hòn Còng), Phường Xuân Thành	Tx. Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Hòn Một, xã Xuân Phương	Tx. Sông Cầu		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Hòn Nần, xã Xuân Cảnh	Tx. Sông Cầu		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Hòn Chùa, xã An Chấn	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Hòn Than, xã An Chấn	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Cù Lao Mái Nhà, xã An Hoà Hải	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Hòn Yến, xã An Ninh Đông *(Hòn Yến, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu cũ)*	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Đảo hòn Nưa, xã Hòa Xuân Nam	TX. Đông Hòa		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0